

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN NGHĨA KÝ

QUYỂN HẠ (Phần Cuối)

Mục II. Đối trị tà chấp. Có hai:

A1. Nói riêng chương và trị.

A2. Theo gốc mà nêu Chung.

Đối trị tà chấp là tất cả tà chấp đều nương vào ngã kiến. Nếu là ngã thì không có tà chấp.

A1. Nói riêng chương và trị. Có hai:

B1. Đối trị là.

B2. Rốt ráo là.

A2. Theo gốc mà nêu Chung. Có ba:

B1. Nêu số.

B2. Nêu tên.

B3. Nói tướng.

B1. Nêu số:

Là ngã kiến, có hai thứ, hai thứ là:

1. Nhân ngã kiến. 2. Pháp ngã kiến.

B2. Kể tên:

Nói: “Nhân ngã kiến” là chấp có tướng chung của chủ thể, đây là kẻ sơ học Đại thừa mê giáo vọng khởi trong Phật pháp, chẳng phải là chỗ khởi của ngoại đạo.

“Pháp ngã kiến” là chấp tất cả pháp mỗi pháp có thể tánh, đây là chỗ khởi của người Nhị thừa.

B3. Nói về tướng. Có hai:

C1. Nhân

C2. Pháp

C1. Nhân ngã. Có hai:

D1. Nêu chung.

D2. Giải thích riêng.

D1. Nêu chung:

Nhân ngã kiến là theo phàm phu mà nói thì có năm thứ, năm thứ là:

D2. Giải thích riêng:

Nghe kinh nói Pháp thân Như Lai rất ráo vắng lặng, giống như hư không. Vì không biết đó là lời phá chấp nên nói hư không là tánh Như Lai.

Năm thứ chấp này có gì khác? Một thứ đầu là quả, bốn thứ sau chung cả nhân và quả. Lại hai thứ đầu là đối với không mà lầm chấp, ba thứ sau là đối với có mà biết điên đảo. Trong hai phần trước, ban đầu là vọng chấp sự không, lấy làm pháp thể, kế là vọng chấp pháp thể chỉ là rỗng không, chấp có ba:

- Chấp tánh đức đồng với sắc tâm.
- Chấp pháp tánh sẵn có nhiệm.
- Chấp nhiệm tịnh có trước sau.

Hỏi: Những thứ này đều chấp trên pháp chân như, vì sao nói nhân ngã chấp?

Đáp: Ở đây có hai cách giải thích:

Cách thứ nhất: Đây là phàm phu mới học có nhân ngã, khởi ra chấp này, nên nói chấp nhân ngã.

Cách thứ hai: Do Như Lai tạng có hai nghĩa:

- Nghĩa Bản giác, tức là ngay nơi người mà vọng chấp, nên nói chấp nhân.

- Nghĩa lý thật, đối với pháp sở quán, nay y cứ nghĩa đầu nên nói nhân chấp.

Trong năm thứ, mỗi thứ đều có ba, nghĩa là:

- Kinh nói, v.v... là khởi duyên chấp.
- Do không biết chính nói về tướng chấp.
- Làm sao đối trị là nói về tướng đối trị.

Phần đầu là tướng chấp: Nói “Do không biết phá chấp đấm, v.v...” là do chấp tướng chất ngại của sắc thân Phật.

Nói “Pháp thân như hư không” là ý lầm nói chấp đồng với hư không.

Đối trị thế nào để nói tướng hư không là vọng kia, pháp thể đều thật.

Đối trị. Có hai:

- Nói hư không này là vọng, chẳng phải chân.
- “Chỉ một chân tâm” trở xuống, là nói Pháp thân kia, là chân, chẳng phải vọng.

Vọng chẳng phải chân: Có ba: - Lập, giải thích, tổng kết.

Lập: Có hai: - Lập tình có, thể đều thật là lập lý không.

Do đối với sắc nên có tướng để thấy, khiến tâm sinh diệt.

Giải thích. Có hai:

Nói về tình có: Trong tánh biến kế đối đãi mà có, là chỗ vọng niệm duyên theo, nên chẳng phải Pháp thân, cho nên nói “do đối sắc” cho đến “tâm sinh diệt”.

Do tất cả sắc pháp xưa nay là tâm, thật không có sắc ngoài. Nếu không có sắc thì không có tướng hư không.

Giải thích lý không: Xưa do đối đãi sắc mà không, nay đã do tâm thì không có sắc, đâu được lại có ở không, nên nói “do tất cả sắc pháp”, cho đến “tướng hư không”.

Nghĩa là tất cả cảnh giới do tâm vọng khởi mà có, nếu tâm lìa vọng động thì tất cả cảnh giới mất, chỉ một chân tâm cùng khắp. Đây là nghĩa tánh trí rốt ráo rộng lớn của Như Lai, chẳng phải như tướng hư không.

Tổng kết. Có hai:

- Tổng kết tình có là “nếu tâm lìa” trở xuống.

- Tổng kết lý không là chân chẳng ở trong vọng.

“Chỉ một chân tâm, v.v...” là nói về pháp đồng dụ, do trùm khắp như hư không, nên lấy hư không làm dụ.

“Đây là Như Lai, v.v...” là phân biệt pháp khác dụ. Nghĩa là tánh trí Bản giác của Như Lai đâu đồng với hư không lại là luống dối ư!

Nghe kinh nói các pháp thế gian rốt ráo thể không, cho đến pháp chân như Niết-bàn cũng rốt ráo không. Từ xưa đến nay tự không, lìa tất cả tướng. Do chẳng biết là phá chấp nên cho rằng tánh Niết-bàn chân như chỉ là hư không kia.

Nói “Cho đến pháp chân như Niết-bàn, v.v...” rốt ráo không, lìa tất cả tướng là kinh Đại Phẩm nói: “Cho đến Niết-bàn như huyền như mộng. Nếu có pháp nào hơn Niết-bàn, ta cũng nói là như huyền như mộng. Do không biết là phá tình chấp có, tức chấp tánh đức chỉ là hư không kia, nên nói “do không biết, v.v...”

Làm sao đối trị? Là nói về Pháp thân chân như tự thể chẳng không, đầy đủ vô lượng tánh công đức.

Đối trị rất dễ biết.

Nghe kinh nói Như Lai tạng không có thêm bớt, thể đầy đủ tất cả pháp công đức. Do không hiểu nên cho rằng Như Lai tạng có sắc tâm pháp tự tướng khác nhau.

Chấp tánh đức đồng với pháp vọng.

Làm sao đối trị? Do nương nghĩa chân như mà nói. Nhân nghĩa nhiễm sinh diệt thị hiện mà nói khác nhau.

Phần Đối trị nói: “Nương nghĩa chân như mà nói” là hai mà chẳng hai. “Nhân nghĩa nhiễm sinh diệt mà thị hiện” là chẳng hai mà hai. Như văn trên nói: “Do nương nghiệp thức tướng sinh diệt mà thị hiện, v.v...”

Nghe kinh nói tất cả pháp nhiễm sinh tử ở thế gian đều nương Như Lai tạng mà có tất cả các pháp chẳng lìa chân như. Vì không hiểu nên cho rằng Như Lai tạng tự thể đầy đủ có tất cả pháp sinh tử thế gian.

Do không hiểu tùy duyên nên cho rằng tự tánh có nhiễm.

Trong phần Đối trị: Trước đoạt phá, sau tưng phá.

Làm sao đối trị? Do Như Lai tạng từ xưa đến nay chỉ có nghĩa chân như, các công đức thanh tịnh nhiều hơn Hằng sa, chẳng lìa, chẳng đoạn, chẳng khác. Do các pháp nhiễm phiền não nhiều hơn Hằng sa chỉ là vọng có, tánh tự vốn không. Từ đời vô thủy đến nay không hề tương ưng với Như Lai tạng. Nếu thể Như Lai tạng có pháp vọng mà khiến chứng hội dứt hẳn vọng, thì không hề có việc đó.

“Do Như Lai tạng, v.v...” là nói về tịnh đức mầu nhiệm.

“Do nhiều các phiền não nhiều hơn hà sa, v.v...” là nói vọng nhiễm lý không.

“Từ vô thủy” trở xuống, là nói vọng chẳng vào chân.

“Nếu thể Như Lai tạng có pháp vọng, v.v...” là nói tưng phá, có thể biết.

Trong phần năm ở kế sau:

- Trong giáo nói có hai pháp.
- Trong chấp cũng có hai chấp.
- Trong đối trị cũng có hai đối trị. đó là sinh tử và niết-bàn.

Nghe kinh nói: Nương Như Lai tạng có sinh tử, nương Như Lai tạng được Niết-bàn. Do không hiểu nên cho rằng chúng sinh có cái ban đầu. Vì có cái ban đầu nên lại cho rằng Như Lai được Niết-bàn là có cái tận cùng kia, lại tạo ra chúng sinh.

Trong phần chấp: Nghe nương chân có vọng, lại cho rằng chân trước vọng sau, nên khởi có cái thấy ban đầu. Như ngoại đạo lập từ minh sơ sinh giác, v.v... Chúng sinh đã có cái ban đầu mà sau nương chân.

“Chứng được Niết-bàn lại tạo ra chúng sinh”, thành nghĩa có cái ban đầu, như ngoại đạo lập chúng sinh, có cái cùng tận, trở về nơi minh

sơ gọi là Niết-bàn. Từ minh sơ khởi giác lại tạo ra chúng sinh. Ở đây cũng như thế.

Đối trị, có hai:

- Nói về pháp thể lìa cái ban đầu là hiển bày sinh tử không có cái ban đầu. Niếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Sinh tử không có ban đầu”.

- Nói về pháp thể lìa cái sau cùng, là nói lên Niết-bàn không cùng tận.

Làm sao đối trị? Do Như Lai tạng không có mé trước, nên tướng vô minh cũng không có cái ban đầu. Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sinh khởi cái ban đầu, tức là kinh ngoại đạo nói. Lại Như Lai tạng không có mé sau, chư Phật được Niết-bàn cùng tương ứng thì không có mé sau.

Trong phần Pháp thể lìa cái ban đầu, kinh ngoại đạo là như kinh Nhân Vương nói: “Ta nói ngoài ba cõi có riêng một cõi chúng sinh, là ngoại đạo”, là trong kinh Đại Hữu của ngoại đạo nói, chẳng phải bầy Đức Phật nói.

C2. Pháp ngã kiến:

Có ba:

- Nguyên do khởi chấp.

- Hiển bày tướng chấp. “Do nói chẳng rốt ráo” v.v... trở xuống

- Hiển bày đối trị kia. “Vì sao?”, v.v... trở xuống. Xem văn sẽ hiểu.

Pháp ngã kiến là nương vào Nhị thừa độn căn, nên Như Lai chỉ vì họ mà nói nhân vô ngã. Do nói chẳng rốt ráo, thấy có pháp năm ấm sinh diệt, sợ hãi sinh tử, vọng chấp Niết-bàn. Đối trị thế nào? Vì pháp năm ấm tự tánh chẳng sinh, thì không có diệt, xưa nay là Niết-bàn.

Rốt ráo lìa, có hai:

- Đứng về mặt pháp nói về đối trị.

- Hợp giải thích để phá nghi.

Pháp cũng có hai:

- Đứng về pháp hiển bày chung.

- Nêu rộng để so sánh tìm cầu. “Cho nên”, v.v... trở xuống.

Lại nữa, rốt ráo lìa vọng chấp, nên biết pháp nhiệm, pháp tịnh đều đối đãi nhau, không có tự tướng để nói. Cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng phải không, rốt ráo không thể nói tướng. Nếu có nói thì nên biết Như Lai khéo dùng phương tiện, giả dùng lời nói dẫn

dắt chúng sinh. Chỉ thú kia vì lìa niệm trở về chân như. Vì niệm tất cả pháp khiến tâm sinh diệt, chẳng vào được trí chân thật.

Phần đầu nói pháp nhiệm tịnh đối đãi không có tự tướng. Trung Luận chép: “Nếu pháp nhân đối đãi mà thành, là pháp trở lại thành đối đãi”. Nay thì không đối đãi cũng không có chỗ pháp hành, y theo giải thích sẽ hiểu. Đối đãi hay không đối đãi, pháp thể vốn như vậy, chẳng phải do ngộ rồi mới khiến như vậy. Nên nói: “Từ xưa đến nay, v.v...”. Trí và thức hiển bày chẳng phải tâm ở trên, có và không hiển bày chẳng phải sắc ở trên.

Giải thích nghi:

Nghi: Bậc thánh rõ biết các pháp lìa tánh, chẳng có nói tướng, vì sao có các thứ nói năng?

Giải thích: Mượn lời khéo dẫn dắt, chỉ ở lời nói. Trong đây có ba:

Chánh hợp để phá nghi.

Giải thích đúng thánh ý. “Chỉ thú ấy, v.v...” trở xuống, là

Ngược lại để giải thích thành tựu. “Vì niệm tất cả pháp”, v.v... trở xuống,

Mục III. Phát thú đạo tướng:

Có hai:

A1. Nêu chung đại ý để nói về tên kia.

A2. Phân biệt riêng.

A1. Nêu chung đại ý để hiển bày tên kia:

Phân biệt phát thú đạo tướng là nghĩa thú hướng về đạo của chư Phật, Chư Bồ-tát đã chứng, phát tâm tu hành thú hướng.

Nói: “Tất cả chư Phật...” là nêu giáo đạo được hướng về.

“Tất cả Bồ-tát, v.v...” trở xuống, là hiển bày nhân hành hay thú hướng. Muốn nói Bồ-tát phát tâm thú hướng đến đạo chứng ngộ của Phật, các thứ bậc khác nhau, nên nói phân biệt phát thú đạo tướng.

A2. Phân biệt riêng:

Có ba:

B1. Nêu số

B2. Kể tên

B3. Nói tướng.

B1. Nêu số:

Lược nói phát tâm có ba thứ, ba thứ là:

1. Tín thành tựu phát tâm. 2. Giải hạnh phát tâm. 3. Chứng phát

tâm.

B2. Kể tên:

Có hai:

C1. Tín thành tựu phát tâm:

C2. Giải hạnh phát tâm:

C3. Chứng phát tâm:

C1. Tín thành tựu phát tâm:

Địa vị Thập trụ, gồm cả Thập Tín. Trong địa vị Thập tín, tu tập tín tâm thành tựu, phát tâm quyết định, tức vào Thập trụ. Sơ tâm Thập Trụ gọi là Phát tâm trụ, tức Thập tín tu hành viên mãn, gọi là Tín thành tựu tiến vào sơ Thập Trụ, nên nói Phát tâm.

C2. Giải hạnh phát tâm:

Địa vị Thập Hồi hướng, gồm cả Thập Hạnh. Trong địa vị Thập Hạnh hiểu được pháp không, thuận hành mười độ, hạnh thành thuần thực, phát tâm hồi hướng vào địa vị Thập Hồi Hướng, nên nói Giải hạnh phát tâm.

C3. Chứng phát tâm:

Từ địa vị Sơ địa trở lên cho đến Thập địa.

Hai phần trước là tương tự phát tâm, một phần sau là phát tâm chân thật.

B3. Nói về tướng:

Nói ba tên ở trên tức là ba đoạn:

C1. Tín thành tựu phát tâm

C2. Giải hạnh phát tâm:

C3. Chứng phát tâm:

C1. Tín thành tựu phát tâm:

Cũng có ba:

D1. Nói về hạnh tín tâm thành tựu.

D2. Nói tướng phát tâm.

D3. Nói lợi ích phát tâm.

D1. Hạnh tín tâm thành tựu:

Có hai:

E1. Hỏi.

E2. Đáp.

Tín thành tựu phát tâm là nương vào những người nào? Tu theo những hạnh gì? Được tín thành tựu có khả năng phát tâm.

E1. Hỏi: Có ba:

G1. Hỏi người năng tu hành.

G2. Hỏi hành để tu.

G3. Được tín thành tựu, là hỏi hạnh thành rồi, có khả năng phát tâm.

E2. Đáp:

Có hai:

G1. Chính đáp câu hỏi trước.

G2. Nêu kém để bày hơn.

Nghĩa là trước tín viên mãn nên thẳng, sau tín chưa thành nên lui sụt.

G1. Chánh Đáp:

Có hai:

H1. Đáp ba câu hỏi.

H2. Kết luận thành tựu địa vị.

H1. Đáp ba câu hỏi:

Nghĩa là nương chúng sinh nhóm Bất định.

“Nương chúng sinh nhóm bất định” là đáp câu hỏi đầu. Phân biệt ba nhóm chính là nhiều môn. Nay trong văn này nói thẳng Bồ-tát Thập trụ trở lên quyết định chẳng lui sụt, gọi là nhóm Chánh định. Chưa vào Thập tín không tin nhân quả, gọi là nhóm Tà định. Giữa hai hạng này là địa vị Thập Tín, muốn cầu quả lớn mà tâm chưa quyết định, hoặc tiến hoặc lui. Trong kinh Bốn Nghiệp chép: “Bồ-tát Thập tín như sợi lông trong hư không, gọi là nhóm Bất định” Nay nương hạng người này nói về hạnh tu hành kia.

Có năng lực huân tập gốc lành nên tin nghiệp quả báo. Nay khởi tu mười điều lành, chán khổ sinh tử, muốn cầu vô thượng Bồ-đề, được gặp chư Phật, đích thân cúng dường, tu hành tín tâm.

“Có huân tập”, v.v... trở xuống, là đáp câu hỏi thứ hai, trong đây, trước nói về nhân tu hành, nghĩa là có văn huân và năng lực bản giác nội huân, nương năng lực tu gốc lành đời trước, hay tin nghiệp quả, nên bỏ ác theo thiện, tu phần phước đức.

“Chán khổ sinh tử cầu Bồ-đề” là thành tựu phần Bồ-đề và phần giải thoát.

“Được gặp chư Phật tu tín tâm” là nói về duyên tu hành, nghĩa là theo duyên này tu hành mười thứ tín tâm.

Trải qua một muôn kiếp tín tâm thành tựu, nên chư Phật, Bồ-tát dạy bảo phát tâm, hoặc do tâm đại bi nên tự phát tâm, hoặc nhân chánh pháp sắp diệt, vì nhân duyên hộ pháp nên tự phát tâm.

“Trải qua một muôn kiếp”, v.v... trở xuống, là đáp câu hỏi thứ ba,

trong đây có hai:

- Nói về thời gian viên mãn, thành tựu tu hành.
- Y theo thẳng duyên nói về phát tâm kia.

Ban đầu nói “Một muôn kiếp” nghĩa là mười ngàn kiếp tu tín tâm thành tựu.

“Phật và Bồ-tát dạy bảo phát tâm”: nghĩa là phát Thập Trụ sơ tâm. Như kinh Anh Lạc Bồn Nghiệp chép: “Bồ-tát có lòng tin trong mười ngàn kiếp tu hành mười giới pháp sẽ nhập vào Thập Tín tâm, vào địa vị Sơ Trụ”.

Giải thích: Trong đây nói: “Vào địa vị Sơ trụ” nghĩa là địa vị Sơ phát tâm trụ trong Thập Trụ, vì đến địa vị này mới được Tín tâm không lui sụt, cho nên cũng gọi là Thập Tín tâm, chẳng cho là Thập Tín của Thập giải trở xuống. Làm sao biết? Vì kinh Nhân Vương nói: “Tập Chứng tánh có mười tâm, đã vượt khỏi tất cả địa vị thiện của người Nhị thừa. Từ Bồ-tát Tập nhẫn thực hành mười điều thiện trở xuống này có tiến có lùi. Giống như sợi lông nhẹ theo gió bay đông tây”. Tuy do mười ngàn kiếp thực hành chánh đạo phát tâm Bồ-đề, cũng là địa vị Tập Nhẫn. Dùng văn này dẫn chứng nên được biết mười thứ tướng tâm và các thứ ủy khúc, như trong Hoa Nghiêm sơ nói, duyên tốt tuy nhiều nhưng lược nêu có ba thứ:

- Tha lực.
- Tự lực.

- “Cũng có thể đồng ba tâm”, v.v... trở xuống: nghĩa là giáo nên được trực tâm, hộ pháp nên được thâm tâm, ngoài ra đều đồng.

Tín tâm như thế thành tựu được phát tâm là vào nhóm chánh định, rốt ráo chẳng lui sụt, gọi là trụ trong chánh nhân, tương ưng hạt giống Như Lai.

H2. Kết luận thành tựu địa vị: “Tín tâm như thế”, v.v... trở xuống là.

“Nhập nhóm chánh định chẳng lui sụt” là nói lên không mất ở phần sau. Nghĩa là vào địa vị Sơ phát tâm trụ của Thập trụ, chẳng rơi vào địa vị phạm phu, Tiểu thừa.

“Gọi là trụ chánh nhân tương ưng hạt giống Như Lai” là nói về chỗ có được ở trên. Nghĩa là trụ địa vị Tập Chứng tánh, thực hành thuận nhân huân tập bên trong, nên nói chánh nhân. Lại địa vị này trở lên quyết định sẽ được quả, nên nói chánh nhân, vì không lui sụt.

Nếu có chúng sinh gốc lành nhẹ mỏng, từ lâu xa đến nay phiền não sâu dày, tuy gặp Phật, được cúng dường, nhưng khởi hạt giống trời

người, hoặc khởi hạt giống nhị thừa, dù có cầu căn cơ Đại thừa cũng bất định, hoặc tiến hoặc lui.

G2. Nói về nêu kém để bày hơn:

“Nếu có”, v.v... trở xuống: là cao siêu như tiến ở trước, kém như lùi ở đây. Nhiếp luận chép: “Các Bồ-tát trong địa vị Thập Tín tu Đại thừa chưa vững chắc, phần nhiều chán sợ sinh tử, tâm từ bi đối với chúng sinh vẫn còn kém mỏng, muốn xả bỏ bốn nguyện Đại thừa, tu đạo Tiểu thừa” Cho nên nói muốn tu hành không có ý Đại thừa.

Trong đây có hai:

H1. Nói về tướng kém.

H2. Kết luận lui sụt, “Như thế, v.v...” trở xuống,

H1. Nói về tướng kém:

Có hai:

K1. Năng lực nội nhân kém.

K2. Nói về năng lực duyên ngoại kém, “Hoặc có cúng dường”, v.v...trở xuống,

K1. Năng lực nội nhân kém:

Có bốn câu: Một câu đầu là mê lầm nặng.

Ba câu sau là đức mỏng.

Đức mỏng có:

- Điên đảo cầu trời, người.

- Cầu tiểu quả khác.

- Do dự về Đại thừa.

Hoặc có cúng dường chư Phật, chưa trải qua một muôn kiếp, trong thời gian đó gặp duyên cũng sẽ phát tâm. Nghĩa là, thấy sắc tướng Phật mà phát tâm, hoặc do cúng dường chúng tăng mà phát tâm, hoặc do người Nhị thừa dạy bảo khiến phát tâm, hoặc bắt chước người khác mà phát tâm.

K2. Năng lực duyên ngoại kém:

Có hai:

- Nói về các hạnh chưa viên mãn.

- Gặp duyên chẳng tốt. Trong đây có bốn câu:

Quán sắc Phật.

Cúng dường đại chúng.

Bạn kém yếu được khuyến khích.

Học với người khác mà phát tâm.

H2. Kết luận lui sụt:

Những thứ này đều chẳng phải tâm bi trí của Bồ-tát, cho nên lui

sự.

Phát tâm như thế đều chẳng nhất định gặp nhân duyên xấu, hoặc lại lui sụt rơi vào giai vị Nhị thừa.

Văn kết luận rất dễ hiểu.

D2. Tương phát tâm:

Có hai:

E1. Chính nói về ba tâm.

E2. Hỏi, đáp, dứt nghi.

E1. Nói về ba tâm:

Có hai: - Hỏi. - Đáp.

Đáp có: Nêu số và giải thích riêng.

Nêu số: Lại nữa, Tín thành tựu phát tâm là phát những tâm nào?

Lược nói có ba thứ, ba thứ là:

Trực tâm chánh niệm pháp chân như.

Thâm tâm ưa tu tập tất cả các hạnh lành.

Tâm đại bi muốn cứu vớt tất cả khổ cho chúng sinh.

Giải thích: “Trực tâm” nghĩa là tâm hướng lý không có lối tẻ khác, nên nói chánh niệm chân như, tức cội gốc của hai hạnh.

“Thâm tâm” là đầy đủ muôn đức, quy hướng nguồn tâm, nên nói ưa tu tập, v.v....

Hai thứ trên đây là gốc hạnh tự lợi.

“Tâm đại bi” là rộng cứu khổ chúng sinh giúp cho được Bồ-đề, nên nói “muốn cứu, v.v...” tức gốc hạnh lợi tha. Diệu hạnh tuy rộng nhưng ba hạnh đều nhiếp hết, cho nên ở trên nói lược có ba. Đây tức ba nhóm giới, ba đức, ba thân đều do đây, cũng tức là ba hồi hướng kia.

- Hồi hướng mé thật.

- Hướng về Bồ-đề.

- Hướng về chúng sinh.

Đều nên phối hợp nhau để giải thích.

E2. Hỏi, đáp, dứt nghi:

Có hai:

G1. Hỏi.

G2. Đáp.

G1. Hỏi: Hỏi rằng: Trên nói Nhất tướng pháp giới, thể của Phật không hai. Vì sao chẳng phải chỉ niệm chân như, mà còn nhờ cầu học các hạnh lành.

G2. Đáp: Có hai:

H1. Đáp câu hỏi trước.

H2. Trình bày lại phương tiện.

H1. Đáp câu hỏi trước:

Có hai: - Dụ và Hợp.

Đáp rằng: thí như báu đại ma ni tánh trong sáng mà có vết nhơ, như người nhớ có tánh báu chẳng dùng các thứ phương tiện lau chùi, thì không bao giờ được sạch.

Trong hợp có ba:

Pháp chân như thể tánh thanh tịnh rộng rang của chúng sinh, như thế mà có vô lượng phiền não cấu nhiễm. Như người tuy niệm chân như mà chẳng dùng các thứ phương tiện huân tu cũng không được thanh tịnh.

Giải thích lý do tu các hạnh. Vì cấu vô lượng vô biên khắp tất cả pháp, cho nên tu tất cả hạnh lành để đối trị, v.v.... Trở xuống.

Nói rõ hạnh lành thuận chân, vì các hạnh lành bên ngoài trái vọng nhiễm, bên trong thuận chân như. Như người tu hành tất cả pháp lành, tự nhiên quy thuận pháp chân như, v.v... Trở xuống.

H2. Trình bày lại phương tiện:

Có hai:

I 1. Nêu số.

I 2. Giải thích riêng.

I 1. Nêu số:

Nói lược phương tiện có bốn thứ, bốn thứ ấy là:

Trong đây giải thích bốn môn: Một môn đầu là Bất trụ đạo, hai môn kế là hạnh tự lợi, một môn sau là hạnh lợi tha. Trong phần Tự lợi có Đoạn đức và Trí đức, trong bốn môn này mỗi môn có ba nghĩa.

I 2. Giải thích riêng:

K1. Kể tên.

K2. Giải thích tương.

K3. Nói về ý tu hành, “Vì thuận theo pháp tánh”, v.v... trở xuống,

K1. Kể tên. Và K2. Giải thích tương:

Thực hành phương tiện căn bản: Nghĩa là quán tất cả pháp tự tánh bất sinh, xa lìa vọng kiến chẳng trụ sinh tử. Quán tất cả pháp nhân duyên hòa hợp nghiệp quả chẳng mất, khởi tâm đại bi, tu các phước đức, nhiếp hóa chúng sinh, chẳng trụ Niết-bàn, vì thuận theo pháp tánh cho nên không trụ.

- Môn thứ nhất, Giải thích tương có hai: Trí và Bi, là hạnh vô trụ.

Phương tiện hay dừng: nghĩa là hổ thẹn hối lỗi, dứt tất cả việc ác, chẳng để cho tăng trưởng. Vì thuận theo pháp tánh nên lìa các lỗi.

- Môn thứ hai, Siêng dứt hai ác, là môn chỉ trì.

Phát khởi gốc lành phương tiện tăng trưởng: Nghĩa là siêng năng cúng dường lễ bái Tam bảo, khen ngợi tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật. Vì tâm thuần hậu quý kính Tam bảo nên lòng tin được thêm lớn, mới có thể chí cầu đạo vô thượng. Lại do năng lực Phật pháp thêm che chở nên tiêu trừ nghiệp chướng, gốc lành chẳng lui sụt, vì thuận theo pháp tánh nên lìa si chướng.

- Môn thứ ba siêng tu hai điều lành, tức môn tác trì, Ở Đây giải thích tướng có hai:

Theo duyên mà tu hành.

Nói rõ tu hành thành tựu lợi ích, “Vì ưa thích Tam bảo”, v.v... trở xuống,

Nói về tu hành thành tựu lợi ích, có hai:

Sinh trí được lợi ích.

Nói rõ diệt chướng được lợi ích. “Lại nhờ năng lực Phật, pháp, tăng”, v.v... trở xuống,

Lại cung kính cùng quy kính, có bốn câu:

- Quý mà chẳng kính như mẹ đối với con.
- Kính mà chẳng quý như người ở đối với chủ.
- Vừa kính vừa quý như người tu hành đối với Tam bảo.
- Chẳng kính chẳng quý như kẻ thù.

Phương tiện đại nguyện bình đẳng: Nghĩa là phát nguyện tận cùng ở đời vị lai hóa độ tất cả chúng sinh, không để dư sót, đều khiến rốt ráo Niết-bàn vô dư. Vì thuận theo pháp tánh không dứt mất, nên pháp tánh rộng lớn khắp tất cả chúng sinh bình đẳng không hai, chẳng nghĩ kia đây rốt ráo vắng lặng.

- Môn thứ tư, giải thích trong tướng:

“Tận vị lai, v.v...” là tâm lâu dài.

“Độ tất cả chúng sinh không để dư sót, v.v...” là tâm rộng lớn.

“Khiến được Niết-bàn vô dư” là tâm bậc nhất.

K1. Ý tu hành:

Có hai:

- Hiển bày tánh thuận.
- Nói về ý khởi nguyện lớn:

“Pháp tánh rộng lớn”, v.v... trở xuống: Cũng tức tâm thường hằng.

D3. Lợi ích phát tâm:

Có bốn:

- E1. Hiển bày đức cao quý.
- E2. Nói về lỗi nhỏ nhiệm.
- E3. Chung cả quyền giáo.
- E4. Khen ngợi thực hành.

Bồ-tát phát tâm này thì được thấy chút phần Pháp thân. Vì thấy Pháp thân nên theo nguyện lực mà hiện tám thứ lợi ích chúng sinh. Nghĩa là từ trời Đâu-suất xuống vào thai, trụ thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập niết-bàn. Nhưng Bồ-tát chưa gọi là Pháp thân, vì từ vô lượng quá khứ đến nay, nghiệp hữu lậu chưa thể quyết đoạn, theo chỗ sinh kia tương ứng với khổ vi tế, cũng chẳng phải nghiệp trói buộc, vì có năng lực đại nguyện tự tại.

E1. Hiển bày đức cao quý, có hai:

- Công đức tự lợi. Nghĩa là thực hành Bồ-tát Thập giải, nương vào môn tử quán thấy pháp giới, nên nói thấy chút phần. Cũng có thể nương vào môn nhân, không thấy Pháp thân.

- Nói về tám tướng lợi ích chúng sinh. “Vì thấy Pháp thân, v.v...” trở xuống, tức công đức lợi tha, trong hàng mới phát tâm trụ của Thập giải, hay làm việc này.

E2. Nói về lỗi sâu kín: “Nhưng, Bồ-tát”, v.v... trở xuống

Có hai: - Khác địa thượng và Khác phạm phu.

- *Khác địa thượng:* Nói “Chưa gọi là Pháp thân” là vì chưa chứng chân, chỉ nương vào đức tin thấy một phần. (từ Sơ địa trở lên).

Giải thích lý do khác nhau “Vì kia từ quá khứ”, v.v... trở xuống.

Nghiệp cũ chưa quên. - Khổ sâu kín vẫn tiếp tục.

- *Nói lên khác phạm phu:* đã nghe nghiệp khổ chưa mất thì cho rằng không khác với phạm phu. Nay nói Bồ-tát ở nơi quả dài ngắn mà được tự tại, chẳng do hoặc nghiệp, nên nói chẳng phải nghiệp trói buộc. Vì lưu hoặc dùng năng lực bị nguyện làm lợi ích chúng sinh, nên nói dùng năng lực đại nguyện.

E3. Chung cho cả quyền giáo:

Có hai: - Nêu giáo và Giải thích chung.

Như trong kinh hoặc nói có lui sụt rơi vào đường ác, là chẳng phải kia thật lui sụt, chỉ vì Bồ-tát mới học chưa vào chánh vị mà biếng nhác, nên làm cho sợ hãi khiến kia mạnh mẽ lên.

Theo văn sẽ hiểu. Như kinh Anh Lạc Bốn Nghiệp chép: “Hành Thất trụ trở xuống, gọi là Thoái phần. Nếu không gặp thiện tri thức hoặc một kiếp cho đến mười kiếp lui sụt tâm Bồ-đề. Như trời Tịnh Mục, vương tử Pháp Tài, Xá-lợi-phất, v.v... muốn lên đệ Thất Trụ trong

khoảng kia nhân duyên gặp ác tri thức, nên trở lại phàm phu trong đường bất thiện”. Cho đến nói rộng. Nay giải thích ý kinh này là lời phương tiện chẳng phải thật lui sụt, chỉ làm cho những người ấy sợ hãi, khiến không biếng nhác ngã mạn.

E4. Khen ngợi thực hành, có hai:

Lại, Bồ-tát này một phen phát tâm, sau xa lìa yếu hèn, rốt ráo chẳng sợ rơi vào hàng Nhị thừa. Nếu nghe vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp siêng năng khổ nhọc làm điều khó làm, mới được Niết-bàn, cũng không yếu hèn, vì tin biết tất cả pháp từ xưa đến nay tự là Niết-bàn.

Trong phần đầu: là đối với bất biến ở dưới, “Nếu nghe” trở xuống, là chẳng yếu hèn ở trên. “Vì tin biết, v.v...” trở xuống, là giải thích lý do chẳng yếu hèn. Đây là hiển bày văn kinh kia là quyền, chẳng phải thật.

C2. Giải hạnh phát tâm:

Có hai:

D1. Nêu chung khen ngợi sự cao quý:

Giải hạnh phát tâm nên biết càng cao quý.

Nghĩa là địa vị Tin viên mãn nhập giải ở trước, nay đây là hạnh viên mãn nhập Hồi hướng, lại phát tâm sâu xa, nên biết càng cao siêu.

D2. Nói về tướng cao siêu kia:

Có hai:

E1. Nêu thời nói lên sự cao siêu:

Vì Bồ-tát từ Sơ chánh tín đến nay ở a-tăng-kỳ thứ nhất kiếp sắp viên mãn.

Nghĩa là trong địa vị Thập Hướng so với Sơ địa kê mà gần, nên nói sắp được viên mãn.

E2. Nói về hạnh cao siêu kia:

Có hai: - Chung. - Riêng.

Chung: Đối với pháp chân như hiểu sâu hiện tiền chỗ tu là tướng.

“Đối với pháp chân như hiểu sâu hiện tiền” là nói về giải cao siêu, khác địa vị trước, nên nói là sâu. Khác địa vị sau nên nói là Giải. “Chỗ tu là tướng” là nói về hạnh cao quý.

Riêng: Rộng về sáu độ nói hai phần này.

Vì biết thể pháp tánh không san tham, nên thuận theo tu hành đàn-ba-la-mật. Vì biết pháp tánh không nhiễm lìa lỗi năm dục, nên thuận theo tu hành thi-ba-la-mật. Vì biết pháp tánh không khổ lìa sân não, nên thuận theo tu hành sần-đề-ba-la-mật. Vì biết pháp tánh không có tướng

thân tâm lia biếng nhác, nên thuận theo tu hành tỳ-lợi-da-ba-la-mật. Vì biết pháp tánh thể thường định không loạn động, nên thuận theo tu hành thiền Ba-la-mật, vì biết pháp tánh thể sáng suốt lia vô minh, nên thuận theo tu hành bát-nhã-ba-la-mật.

Nghĩa là: “Biết pháp tánh không san tham, v.v...” là nói lên hiểu sâu ở trên.

“Thuận theo tu hành, v.v...” là nói lên chỗ tu hành lia tướng ở trên.

Nghĩa là tướng ba luân, vì từ giai vị Thập Hạnh trở lên, Bồ-tát được pháp không, thuận theo pháp giới tu hạnh sáu độ tức nương giải hạnh phát tâm. Vì cấu chướng trái chân, tu hành lia chướng để thuận với Như. Ngoài ra vẫn khác rất dễ hiểu.

C3. Chứng phát tâm:

Có ba:

- D1. Nói chung thể phát tâm.
- D2. Nói về tướng phát tâm.
- D3. Nói về đức thành tựu viên mãn.

D1. Nói chung Thể phát tâm:

Có ba:

- E1. Nêu giai vị.
- E2. Nói về hạnh thể, tức trí Căn bản.
- E3. Nói về dụng cao siêu, tức trí Hậu đắc.

E1. Nêu địa vị:

Chứng phát tâm là từ tâm thanh tịnh địa, cho đến Bồ-tát ở giai vị rốt ráo, chứng được cảnh giới gì? Nghĩa là chân như, vì nương chuyển thức nói là cảnh giới, mà người chứng ngộ này không có cảnh giới, chỉ có trí chân như gọi là Pháp thân.

E2. Hạnh thể:

“Vì nương chuyển thức, v.v...” cảnh giới tức hiện thức, phải nương chuyển tướng mà khởi. Nhưng bốn trí chính lúc ngộ thật không có năng sở. Đâu thể được nói là làm cảnh giới. Nay chỉ đứng về mặt nghiệp thức chưa dứt trí Hậu đắc, nên chuyển thức, hiện thức vẫn còn. Tạm theo thức này nói chính trong lúc chứng ngộ quyết định có chân như làm cảnh sở chứng. Dùng trí Hậu đắc duyên ngược chính chứng ngộ cũng có hiện tương tự như cảnh, nên nói chuyển thức hiện, mà thật chân chứng năng sở bình đẳng, nên nói chỉ trí chân như gọi là Pháp thân.

E3. Dụng cao siêu của trí Hậu đắc, có bốn:

Thỉnh pháp là trên hết:

Có hai:

- Nói về thỉnh pháp và nói lên ý thỉnh kia. “Chỉ là”, v.v... trở xuống.

- Nói về tùy căn cơ, đức nhiều ít “Hoặc chỉ bày” trở xuống.

Có hai: - Ít và Nhiều. Trong mỗi thứ lại có hai: + Nêu dụng và Nói về ý.

- Tổng kết. “Năng chỉ bày như thế”

Nghĩa là Bồ-tát trong khoảng một niệm có thể đến các thế giới ở mười phương không sót một phương nào để cúng dường chư Phật, thỉnh Phật xoay xe pháp. Chỉ vì khai mở dẫn dắt chúng sinh được lợi ích, chẳng nương văn tự, hoặc thị hiện chóng thành Chánh giác vượt khỏi địa vị, để vì chúng sinh yếu hèn, hoặc nói: Ta trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật đạo. Vì chúng sinh biếng nhác cho nên hay thị hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như thế.

- Nói về hạnh thật chẳng khác đức. “Mà thật” trở xuống.

Mà thật Bồ-tát chủng tánh căn phát tâm thì đồng, chỗ chứng cũng đồng, không có pháp vượt hơn. Vì tất cả Bồ-tát đều trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp.

Trong đó chủng tánh đồng tức nhân đồng, phát tâm đồng tức hạnh đồng, chỗ chứng đồng tức chứng chân đồng. “Không có” trở xuống, là nói về thời gian đồng. “Chỉ tùy” trở xuống, là nói ứng cơ dụng đức khác.

Chỉ tùy theo chúng sinh ở các thế giới khác nhau, chỗ thấy chỗ nghe căn dục tánh khác nhau, cho nên thị hiện chỗ thực hành cũng khác nhau:

D2. Nói về Tướng phát tâm:

Có hai:

E1. Khen ngợi nêu số nhỏ nhiệm.

E2. Kể tên giải thích tướng.

E1. Khen ngợi nêu số nhỏ nhiệm:

Lại tướng phát tâm của Bồ-tát có ba tướng tâm nhỏ nhiệm, ba tướng ấy là:

Chân tâm không phân biệt.

Phương tiện tâm tự nhiên biến hành lợi ích chúng sinh.

Nghiệp thức tâm nhỏ nhiệm khởi diệt.

E2. Giải thích tướng:

“Chân tâm” là trí Căn bản vô phân biệt.

“Phương tiện tâm” là trí Hậu đắc.

“Nghịệp thức” là hai trí, thức A-lại-da nương lý thật cũng có chuyển hiện, nay chỉ lược nêu tướng căn bản nhỏ nhiệm, đây chẳng phải đức phát tâm, chỉ nói lên Bồ-tát này lúc hai trí khởi, có lỗi sinh diệt nhỏ nhiệm, chẳng đồng với đức thuần tịnh của địa vị Phật, cho nên hợp thành tướng phát tâm.

Có hai:

E1. Chính hiển bày đức cao quý.

E2. Hỏi đáp dứt nghi.

E1. Nói về đức cao quý:

Có ba:

G1. Nói chung đức viên mãn để hiển bày vị.

G2. Nói riêng đức viên mãn, “Nghĩa là do một niệm”, v.v... trở xuống

G3. Dứt nghi ngờ.

G1. Nói chung đức viên mãn:

Lại công đức thành tựu viên mãn này của Bồ-tát, ở chỗ sắc rớt ráo thị hiện thân rất cao lớn ở tất cả thế gian.

Nói “Lại công đức thành tựu viên mãn này của Bồ-tát”, là tột cùng nhân vị, nên Địa Luận nói:

“1. Hiện báo lợi ích, là thọ địa vị Phật”. Nói ở sắc rớt ráo, là quả vị hiển rõ. “2. Hậu báo lợi ích, là chỗ sinh trí của Ma-hê-thủ-la”. Vì sao? Vì tha thọ dụng báo thân ở cõi trời này.

Nghĩa thứ nhất cho rằng: Do nương Thập Vương hiển bày riêng Thập địa. Nhưng Bồ-tát hàng Thập địa nương ở Thiên vương này, ngay thân kia thị hiện thành Bồ-đề, nên ở cõi trời kia. Ngoài ra các nghĩa như trong phần nói riêng.

Nghĩa là do một niệm tương ứng tuệ, vô minh chóng dứt gọi là trí Nhất thiết chủng, tự nhiên mà có nghịệp không thể nghĩ bàn, hiện khắp mười phương làm lợi ích chúng sinh.

G2. Nói riêng đức viên mãn:

Nói: “Một niệm, v.v...” là nói hạnh tự lợi viên mãn, tức nói lên chân tâm ở trên thành tựu. Nghĩa là một niệm Thủ giác khi đến nguồn tâm kế hợp Bản giác, nên nói là tương ứng. Do vô minh dứt, nên chiếu soi rõ các pháp, gọi là trí Nhất thiết chủng. Cũng có thể “Một niệm tương ứng tuệ” ở trước Vô gián đạo, “trí Nhất thiết chủng trí” là đạo giải thoát.

“Tự nhiên” trở xuống, là đức lợi tha, nói lên tâm phương tiện ở trên, chẳng đợi công dụng. Lại cũng có thể ban đầu là tướng trí tịnh,

sau là nghiệp tướng không thể nghĩ bàn, nên nói biển giác theo nhiệm thành tựu.

G3. Dứt nghi ngờ: có hai: Hỏi và Đáp.

Hỏi có hai:

H1. Hỏi chủng trí ở trên.

H2. Hỏi nghiệp dụng tự nhiên ở trên.

H1. Hỏi chủng trí:

Có hai:

I 1. Hỏi

I 2. Đáp.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên. Thế giới vô biên nên chúng sinh vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm hành khác nhau cũng vô biên. Cảnh giới như thế không có giới hạn, khó biết khó hiểu. Nếu vô minh dứt không có tâm tưởng, làm sao rõ được danh từ trí nhất thiết chủng trí.

I 1. Hỏi có hai: Trình bày nghi: Nghĩa là tất cả hư không đều có thế giới, tất cả thế giới đều có chúng sinh, tất cả chúng sinh đều có tâm hành. Như thế giới hạn cảnh giới khó biết.

Đặt ra câu hỏi: “Nếu vô minh”, v.v... trở xuống, hỏi rằng: Chẳng phải ngay giới hạn vô biên cảnh ngoại khó biết, cũng ở bên trong dứt tâm tưởng làm sao được rõ?

I 2. Đáp: Đáp: Tất cả thế giới xưa nay nhất tâm là tướng niệm.

Ý đáp rằng: Chỉ do bên trong dứt tâm vọng tưởng, bên ngoài sẽ biết rộng. Trong đây có ba:

K1. Lập chánh ý

K2. Nêu phi để nói mất.

K3. Nêu thị để nói được.

K1. Lập chánh ý:

Nói: “Cảnh tuy vô biên” nhưng chẳng ngoài nhất tâm, đã chứng nguồn tâm sao không rõ được tức cảnh của tâm là vọng niệm, dứt tưởng niệm mới hay biết, nên nói tất cả cảnh giới.

Do chúng sinh vọng thấy cảnh giới, nên tâm có giới hạn. Do vọng khởi tưởng niệm, chẳng xứng pháp tánh, nên chẳng thể quyết rõ.

K2. Nêu phi để mất:

Có hai: - Cảnh vọng thấy có giới hạn.

Do vọng khởi tưởng. Giải thích thành nguyên do không thấy, tức nói có vọng thấy, nên có chỗ chẳng thấy.

Chư Phật Như Lai là tướng thấy, không chỗ nào chẳng trùm khắp.

Tâm chân thật tức là tánh tự thể của các pháp, hiển chiếu tất cả pháp vọng, có dụng đại trí vô lượng phương tiện, tùy theo chỗ ứng của chúng sinh mà được hiểu, đều mở bày các thứ pháp nghĩa, nên được gọi là trí nhất thiết chủng.

K3. Nêu thị để rõ được:

Nói “Lìa tướng thấy, không chỗ nào mà chẳng trùm khắp” là nói không có vọng kiến nên đều thấy.

Nói “Tâm chân thật tức là tánh của các pháp”, là tâm Phật là vọng, thể một nguồn tâm, chẳng khác với vô trí, nên nói là “chân thật”. Nhưng, bản giác này ở trong môn Sinh diệt là thể của pháp vọng, nên nói “các pháp tánh”. Tất cả pháp vọng đều là tướng bản giác Phật tâm. Tướng đã hiện ở trên tự thể, do thể chiếu dụng kia, có gì khó rõ mà chẳng rõ biết, nên nói “tự thể hiển bày chiếu soi”. Trong văn trên nói: Nói dụng báo hóa của Phật là ở trong tâm chúng sinh”. Nay nói pháp vọng của chúng sinh thì ở trong tâm Phật. Bởi nguồn tâm không hai nên được như vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Như tâm, Phật cũng thế, như Phật, chúng sinh cũng vậy” là nghĩa này.

Do đồng thể tri lực khởi phương tiện cao siêu, nhiếp hóa hữu tình, nên nói: “Có dụng đại trí, cho đến gọi là trí nhất thiết chủng”.

E3. Hỏi, đáp dứt nghi:

Có hai:

G1. Hỏi

G2. Đáp.

G1. Hỏi có: - Trình bày nghi và đặt câu hỏi. “Thế nào”, v.v... trở xuống.

Lại hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên thì hiện tất cả sự lợi ích chúng sinh, tất cả chúng sinh hoặc thấy thân kia, hoặc biến, hoặc nghe kia nói đều được lợi ích. Vì sao thế gian phần nhiều không thấy được?

Đáp: chư Phật, Như Lai Pháp thân bình đẳng khắp tất cả chỗ, không có tác ý, mà nói tự nhiên. Chỉ nương chúng sinh hiện tâm chúng sinh. Giống như gương, nếu gương dính bụi thì sắc tượng không hiện. Cũng giống như thế, tâm chúng sinh có nơ cấu thì Pháp thân không hiện.

G2. Đáp có: Pháp - Dụng - Hợp.

Do Pháp thân trùm khắp trong tâm chúng sinh, chỉ có căn cơ cảm ứng chán cầu, tức hiển bày dụng thô tế, chẳng phải do dụng công. Trong văn trên đã nói lên nghĩa này.

“Gương dính bụi” là nói căn cơ không cảm ứng với Phật, chẳng

cho rằng phiền não hiện hành. Như Thiệt Tinh trong tâm phiền não được thấy Phật.

Nói “Pháp thân chẳng hiện” là Pháp thân hay hiện dụng báo hóa. Nay y cứ cội gốc mà nói, nên nói Pháp thân chẳng hiện. Như mười hai thứ sâu xa trong Nhiếp Luận đều là đức của Pháp thân hiển bày sâu xa. Trong ấy nói: “Do mất nên Đức Thế tôn chẳng hiện, như trăng trong chậu bể”.

Giải thích: Chư Phật ở thế gian chẳng hiển hiện mà thân chư Phật ở thế gian thường trụ. Vì sao không hiển hiện? Thí như trong chậu bể, không giữ nước được. Vì không giữ nước được nên trong chậu bể thật có mặt trăng mà chẳng hiển hiện được. Như thế, chúng sinh không tu Xa-ma-tha (Chỉ) trôi chảy nối nhau, chỉ có lỗi lầm nối nhau. Ở kia thật có chư Phật cũng không hiển hiện. Nước ví như Xa-ma-tha, tánh mềm mại trôi chảy. Trong đây nương theo định được thấy Phật. Thấy Phật là thời quá khứ phải tu tập Tam-muội niệm Phật, đời này mới được thấy thân Phật. Chẳng cho rằng đời này phải nương vào định tâm mới được thấy Phật. Vì trong tâm tán loạn cũng thấy Phật.

Trong Nhiếp Luận kia, đứng về tụ định làm nhân thời quá khứ, so với hiện tại. Trong luận này đứng về căn cơ thuần thực làm nhân, chẳng phải đứng về không có hoặc mà có những việc này.

Phần giải thích đã xong.

Chương IV. TU HÀNH TÍN TÂM

Từ trên đến đây nói Đại thừa, nay là nói về khởi tín.

Có ba:

- A1. Đứng về người mà nêu ý.
- A2. Đứng về pháp mà nói rộng.
- A3. Nói lên phương tiện phòng sự lui sụt.

Đã nói xong phần giải thích, kế là nói phần tu hành tín tâm, là do chúng sinh chưa nhập chánh định, nên nói tu hành tín tâm.

A1. Đứng về người mà nêu ý:

Nói “Theo người chưa nhập chánh định tu hành tín tâm là người thuộc nhóm Bất định, có hai:

Tu tín viên mãn: Vì họ nói phát thú đạo tướng khiến nhập chánh định, là người cao quý ở trước.

Tu tín chưa viên mãn: người thấp kém ở trước, tức mục đích của văn này. Dùng bốn tín, năm hạnh khiến kia tu hành, khiến lòng tin thành tựu viên mãn. Tin thành tựu viên mãn rồi, trở lại nương vào phát

thứ nhập chánh định.

A2. Đứng về pháp mà nói rộng:

Có hai:

B1. Hỏi hai câu. B2.

Lại đáp hai câu. **B1.**

Hỏi hai câu:

Thế nào là tín tâm? Làm sao tu hành?

B2. Lại đáp hai câu:

C1. Nói về tín tâm, nghĩa là nêu số và giải thích

C2. Đáp trong phần tu hành

C1. Nói về tín tâm, nghĩa là nêu số và giải thích:

Giải thích: Có bốn thứ chẳng hoại tín tâm.

Lược nói tín tâm có bốn thứ, bốn thứ tín tâm là:

Tin căn bản: Có chỗ cho rằng, Ưa niệm pháp chân như.

Trong phần đầu: Nói “Tín căn bản” là pháp chân như, là thầy của chư Phật, là nguồn cội sinh ra các hạnh, nên nói “căn bản”; chẳng phải ngay đây mới khởi tín tâm, cũng là ưa niệm quán sát, nên nói “ưa niệm”.

Trong phần kế là: Đứng về cảnh cao quý của Tam bảo để khởi tín tâm. Trong Tam bảo, mỗi bảo có hai là: Nêu đức cao quý của tín, và Khởi nhân cao quý để nguyện cầu, y theo văn sẽ thấy.

Tin Phật có vô lượng công đức, thường nhớ nghĩ gần gũi, cúng dường cung kính, phát khởi gốc lành mong cầu trí Nhất thiết.

Tin Pháp có lợi ích, lớn thường nhớ nghĩ tu hành các ba-la-mật.

Tin Tăng hay chân chánh tu hành tự lợi lợi tha, thường ưa gần gũi chúng Bồ-tát, cầu học hạnh như thật.

C2. Đáp trong phần tu hành:

Có ba:

D1. Nêu số, nêu ý.

D2. Hỏi số nêu tên.

D3. Nương câu hỏi giải thích riêng.

D1. Nêu số:

Tu hành có năm môn giúp thành tựu tín tâm này.

Nói “Thành tựu tín tâm này” là có lòng tin mà không thực hành thì lòng tin không vững chắc, lòng tin không vững chắc thì gặp duyên liền lui sụt, nên tu năm hạnh để thành tựu bốn tín tâm, không để lui sụt.

Năm môn là:

1. Thí môn. 2. Giới môn. 3. Nhẫn môn. 4. Tinh tấn môn. 5. Chỉ

quán môn.

D2. Nêu tên:

Dùng chỉ quán hợp tu cùng vận hành mà chẳng hai, chỉ có năm môn.

D3. Giải thích riêng:

Có hai:

E1. Bốn hạnh là nói lược.

E2. Một hạnh là nói rộng.

E1. Bốn hạnh:

Có hai:

G1. Trình bày tướng bốn hạnh.

G2. Riêng đứng về môn tinh tấn nói phương tiện dứt chướng.

G1. Trình bày tướng bốn hạnh, bốn môn là bốn phần:

Thế nào là tu hành Thí môn? Nếu thấy tất cả chúng sinh đến mong cầu, hễ có tài vật gì thì tùy khả năng mà bố thí, để tự xả bỏ tâm tham, khiến họ vui mừng. Nếu thấy ách nạn sợ hãi ép ngặt, theo sức mình kham nhận mà bố thí vô úy. Nếu có chúng sinh đến cầu pháp, theo sức mình đã hiểu, phương tiện vì họ nói, chẳng nên tham cầu danh lợi cung kính, chỉ nghĩ tự lợi lợi tha hồi hướng Bồ-đề.

Thí môn. Có ba thứ là: thí tài, thí Vô úy và thí Pháp, y theo văn sẽ thấy.

Thế nào là tu hành Giới môn? Có chỗ cho là: Không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói hai lưỡi, không nói lời ác, không nói thêu dệt; lìa bỏ tham lam, ganh ghét, dối trá, cong vạy, sân nhuế, tà kiến. Như người xuất gia chiết phục các phiền não, cũng nên xa lìa chỗ ồn náo, thường ở nơi vắng vẻ, tu tập ít muốn biết đủ và hạnh đầu-đà, v.v... Cho đến tội nhỏ tâm cũng sinh sợ hãi hổ thẹn, cầu sám hối không được coi thường. Đối với giới cấm của Như Lai phải giữ gìn sự chề bai, không để cho chúng sinh vọng khởi tội lỗi.

Giới môn. Có ba là:

- Giới nhiếp luật nghi

- Giới nhiếp thiện pháp. “Nếu xuất gia” trở xuống. Trong đây cho đến “tội nhỏ” trở xuống, là nói rõ tâm hộ trì giới.

- Giới nhiếp chúng sinh. “Phải giữ gìn sự chề bai” trở xuống.

Thế nào là tu hành Nhẫn môn? Có chỗ cho là nên nhẫn nhục tâm nào hại của người, không có tâm trả thù, cũng nên nhẫn các pháp: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc.

Nhẫn môn. Có hai:

- Nhẫn vì người khác không mong cầu có sự lợi ích.

- Nói về cảnh trái thuận tâm kia hỷ nộ bất động, an vui chịu đựng.

“Cũng nên nhẫn”, v.v... trở xuống.

+ Lợi là tài vật đem đến cho mình.

+ Suy là tổn hao lẩn bức.

+ Hủy là vượt hơn lỗi để hủy nhục.

+ Dự là trộm hơn đức mà khen ngợi.

+ Xưng là y nơi thật đức mà khen.

+ Cơ là y lỗi thật mà che bai.

+ Khổ là ép ngặt thân mình.

+ Lạc là tinh thần vui tươi.

Thế nào là tu hành Tinh tấn môn? Có chỗ cho là đối với các việc lành tâm không biếng nhác lui sụt, lập chí vững chắc, xa lìa yếu hèn, nên nhớ từ quá khứ lâu xa đến nay, luống thọ tất cả khổ lớn ở thân không có lợi ích, nên phải siêng năng tu các công đức, tự lợi lợi tha để chóng lìa các khổ.

Môn tinh tấn. Có ba:

- Siêng năng tinh tấn mạnh mẽ.

- Nói về khó hoại được tinh tấn. “Lập chí” trở xuống,

- Nói về không có tinh tấn. “Phải nhớ”, v.v... trở xuống, Do nhớ mình lâu dài, luống chịu khổ lớn để tự mình siêng năng khích lệ tu điều lành không nhàm chán.

“Vì thế” trở xuống, là tổng kết Khuyến khích lợi ích tu hành.

G2. Trình bày phương tiện ngăn ngừa sự lui sụt:

Có hai:

H1. Chương.

H2. Đối trị.

H1. Chương:

Lại nữa, nếu người tuy tu hành tín tâm, do từ đời trước đến nay, thường có tội nặng, có nghiệp gây ra chướng ngại nên bị tà ma ác quỷ làm cho phiền não, hoặc bị các việc thế gian trói buộc, hoặc bị bệnh khổ, nên có nhiều chướng ngại như thế.

- Nói bên trong có nghiệp chướng làm nhân.

- Nói bên ngoài chiêu cảm tà ma não loạn, là báo chướng.

H2. Đối trị:

Vì thế nên phải tinh tấn mạnh mẽ, ngày đêm siêng năng sáu thời lễ bái chư Phật, thành tâm quán tưởng sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ hồi hướng Bồ-đề, nên chẳng dừng bỏ mới khỏi các chướng, gốc lành thêm

lớn.

“Sáu thời lễ bái...” là nói chung phương tiện dứt chướng, như người mắc nợ, cậy vào sức vua thì người chủ nợ không làm sao đòi được. Cũng thế, người tu hành lễ bái chư Phật, chư Phật che chở sẽ thoát khỏi các chướng. “Sám hối”, v.v... trở xuống, là trừ riêng bốn chướng:

Các nghiệp ác làm chướng nên sám hối trừ diệt.

Hủy báng chánh pháp làm chướng nên phải khuyến thỉnh trừ diệt.

Ganh tỵ vì người hơn mình làm chướng nên lấy tùy hỷ để đối trị.

Ưu ba cõi làm chướng nên dùng hồi hướng để đối trị.

Do bốn chướng này làm cho người tu hành không phát khởi các hạnh, không hướng về Bồ-đề, cho nên tu bốn hạnh để đối trị.

Một câu đầu là đối trị nghiệp chướng dùng môn chỉ trì, ba câu sau là gốc lành lâu bền dùng môn tác trì.

E2. Môn Chỉ Quán: (Một hạnh là nói rộng)

Có hai:

G1. Nương câu hỏi.

G2. Giải thích tướng.

G2. Giải thích tướng:

Có hai:

H1. Lược nói.

H2. Nói rộng.

H1. Lược:

Có ba: Chỉ. - Quán và thuận cả hai.

Thế nào là tu hành môn Chỉ Quán? Cái gọi chỉ là dừng tất cả tướng cảnh giới, thuận theo nghĩa Xa-ma-tha quán.

“Dừng tất cả tướng cảnh giới” là trước do phân biệt tạo các trần bên ngoài, nay dùng giác tuệ đạo lý duy thức phá tướng các trần bên ngoài, tướng trần đã dừng thì không còn phân biệt, nên nói là Chỉ. Đây là phương tiện.

“Thuận Xa-ma-tha, v.v...” chính trình bày về Chỉ. Xa-ma-tha, Hán dịch là Chỉ. Đứng về phương tiện nên còn ngôn ngữ của xứ này, đứng về chánh chỉ còn là tiếng Phạn. Tỳ-bà-xá-na cũng giống như thế. Lúc dừng cả hai đều hiện tiền mới gọi là Chỉ quán. Nay chỉ nói thuận theo.

Cái gọi là Quán, nghĩa là phân biệt tướng nhân duyên sinh diệt, thuận theo nghĩa Tỳ-bà-xá-na quán.

“Phân biệt tướng sinh diệt” là nương vào môn Sinh diệt quán sát pháp tướng, nên nói là phân biệt. Như phẩm Bồ-tát Địa trong luận Du-

già nói: “Bồ-tát ở đây tức đối với các pháp không hề phân biệt”, nên biết gọi là Chỉ.

Nếu đối với các pháp thắng nghĩa lý thú và an lập vô lượng lý thú, trí tuệ mẫu nhiệm của thế tục gọi là Quán. Biết nương môn Chân như dừng các cảnh tướng không phân biệt, tức thành trí căn bản vô phân biệt. Nương môn Sinh diệt phân biệt các tướng, quán các lý thú tức thành trí hậu đắc. Nhưng hai môn này chỉ nhất tâm, cho nên vận dụng cả hai mới được gọi là chánh Chỉ quán.

“Thế nào?”, v.v... trở xuống, là giải thích nghĩa Thuận cả hai.

Thế nào là thuận theo? Vì hai nghĩa này dần dần tu tập không xa lìa nhau, cả hai hiện tiền.

“Dần dần tu tập” là nói lên phương tiện hay tùy thuận.

“Cả hai hiện tiền” là nói Chỉ quán thuận theo, tướng thuận theo mà luận.

Chỉ gọi là Định, Quán gọi là Tuệ. Thật ra mà nói thì định chung cho cả Chỉ quán, tuệ cũng như thế. Như Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Thập ba-la-mật chung cho cả hai thể là: Chẳng tán loạn làm thể, nghĩa là chỉ định; và Chẳng điên đảo làm thể, nghĩa là quán tuệ”.

H2 Rộng:

Có ba: I 1. Chỉ. - I 2. Quán - I 3. Song vận.

I 1. Chỉ:

Có năm:

- K1. Phương pháp tu Chỉ.
- K2. Nói về công năng cao siêu của Chỉ.
- K3. Nói về việc ma.
- K4. Phân biệt ngụy khác chân.
- K5. Chỉ bày khuyến tu lợi ích.

K1. Phương pháp tu Chỉ:

Có hai:

- L1. Người cao siêu sẽ có thể vào được
- L2. Vì có chướng nên không được.

L1. Người cao siêu sẽ vào được:

Có hai:

M1. Nhờ phương tiện vắng lặng dứt tâm tu Chỉ.

M2. Nói về Chỉ thành tựu được định, trừ chướng không lui sụt. “Tu tập lâu được thuần thực” trở xuống.

M1. Nhờ phương tiện vắng lặng dứt tâm tu Chỉ:

Có hai:

N1. Theo duyên bên ngoài.

N2. Nội tâm an tịnh.

N1. Theo duyên bên ngoài:

Nếu người tu Chỉ ở chỗ an tĩnh, nhiếp niệm ngồi thẳng.

“Ở chỗ an tĩnh” là duyên tu Chỉ, nói đầy đủ có năm duyên:

+ Ở chỗ an tĩnh vắng vẻ, nghĩa là ở núi rừng và các nơi an tịnh.

Nếu ở trong xóm làng sẽ bị ồn náo.

+ Giữ giới thanh tịnh, nghĩa là lìa nghiệp chướng. Nếu không thanh tịnh thì phải sám hối.

+ Y phục, ăn uống đầy đủ.

+ Gặp được thiện tri thức.

+ Dứt các duyên.

Nay lược nêu phần đầu nói là chỗ an tĩnh. “Ngồi thẳng” là điều phục thân kia. “Nhiếp niệm” là điều phục tâm kia. Điều phục thân là trước ở chỗ vắng ngồi yên, để được an ổn lâu không ngăn ngại. Kế là ngồi ngay ngắn hoặc ngồi kiết già, hoặc ngồi bán già. Nếu ngồi kiết già trước đặt chân trái lên đùi phải, kéo sát gần thân, khiến ngón chân ngang với đùi. Kế đến đặt chân phải lên đùi trái, kê khăn cho thẳng đều, không để khi ngồi bị lệch lạc. Kế là đặt tay trái lên tay phải, chồng tay lên nhau đặt trên lòng bàn chân, kéo sát gần thân, tâm được an. Kế là nhiếp niệm, trước lay động thân kia, khai các chi tiết làm bảy hoặc tám lần, như tự xoa bóp, cũng chớ để tay chân lệch chỗ khác, vững mình ngồi thẳng cho xương sống cân đối, chớ cong chớ quá thẳng. Kế đến đầu cổ khiến mũi và rốn cân đối, không nghiêng không lệch, không cúi không ngửa, mặt mũi chánh trụ. Kế là đặt lưỡi lên ỏ gà, mắt vừa khép, không nhắm hoàn toàn. Rộng như Thiền sư Trí Khải nói trong Chỉ Quán hai quyển, thuộc tông Thiên Thai. Nay lược nói chung, nên nói là ngồi thẳng.

“Điều tâm” là người tu hành đời mạt pháp, người chánh nguyện thì ít, người cầu tà thì nhiều, đối hiện nghi thức vắng lặng. Nếu cầu danh lợi, tâm đã không chánh, thì không do đâu được định. Lìa cầu tà này nên nói nhiếp niệm. Ý muốn cho tâm quán kia tương ứng với lý, tự độ độ tha đến đạo Vô thượng, gọi là Nhiếp niệm.

Từ trên đến đây là nói chung nghi thức tu Chỉ.

N2. Nội tâm tự an Từ đây trở xuống là nói về tu Chỉ:

Có hai:

O1. Theo ngồi tu Chỉ.

O2. Theo oai nghi tu Chỉ.

01. Ngồi tu chỉ:

Có hai:

- Lìa cảnh điên đảo.
- Dứt tâm vọng tưởng.

Lìa cảnh điên đảo:

Chẳng nương hơi thở, chẳng nương hình sắc, chẳng nương hư không, chẳng nương đất nước gió lửa, cho đến không nương sự thấy nghe hiểu biết. Tất cả tướng theo niệm đều dứt, cũng dẹp ý tưởng dứt. Do tất cả pháp xưa nay không tướng, niệm niệm chẳng sinh, niệm niệm chẳng diệt.

Nói “Chẳng nương hơi thở” là cảnh quán sở tức.

“Hình sắc” là nương bốn tướng xương xanh, vàng, đỏ, trắng.

“Năm tướng hư không, đất, nước...” đều là cảnh giới của định duyên.

“Thấy nghe hiểu biết” là thức nhất thiết xứ, chung ở trước thành mười nhất thiết xứ. Cũng có thể là thấy nghe, v.v... là nêu lúc tán tâm chấp sáu trần, đối với các trần này tìm cầu được thấu đạt. Biết chỉ tự tâm, không nhờ duyên nên nói chẳng nương.

Dứt tâm vọng tưởng nương cảnh điên đảo ở trước:

Sinh tâm cũng dẹp nên nói tất cả các tướng theo niệm đều dứt. Bị trừ đã xong thì cái năng trừ cũng không lập, rõ ràng được vắng lặng mới gọi là Chỉ. Nên nói cũng dẹp luôn tướng trừ. Vì sao? Vì tất cả tâm tướng năng trừ sở trừ đều chẳng còn.

Giải thích: Vì tất cả pháp xưa nay không tướng, nay muốn thuận theo pháp tánh nên phải như vậy.

“Niệm niệm chẳng sinh diệt, v.v...” là chuyển qua giải thích lý do pháp tánh vô tướng, bởi tướng không có tự tánh, xét đến cùng là không, nên tự thể không sinh diệt để được. Đây tức sinh mà không sinh, tức diệt mà không diệt, như nước sóng nắng vốn tự khô.

Cũng thường chẳng được theo ngoài tâm nhờ nghĩ cảnh giới, sau dùng tâm trừ tâm, nếu tâm rong ruổi tán loạn, thì phải nhiếp trụ ở chánh niệm, chánh niệm này nên biết chỉ duy tâm không có cảnh giới bên ngoài. Ngay tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thật có.

“Cũng không được theo tâm” cho đến “dùng tâm trừ tâm”, nếu ngoài tâm có cảnh thật, lúc tâm duyên cảnh này đè nén không để duyên cũng không được, nên sau dùng tâm trừ tâm. Nay ngoài tâm đã không có trần, thì chỗ chấp không tướng, chỗ chấp không tướng, cái hay chấp

tự nhiên chẳng sinh, đầu nhọc sau lấy tâm mới được trừ.

“Nếu tâm rong ruổi tán loạn, thì nhiếp trụ chánh niệm”, lúc mới tập có nhiều rong ruổi, cho nên khiến nhiếp chánh trụ. Cái gì chánh niệm mà nói khiến trụ? Nghĩa là duy tâm không có cảnh ngoài, vọng cảnh đã không duy tâm cũng vắng lặng, nên nói “ngay cả tâm này cũng không tự tướng, niệm niệm không thật có”.

O2. Theo oai nghi tu Chỉ:

Từ chỗ ngồi đứng dậy, qua lại, tiến dừng, tất cả động tác ở bất cứ lúc nào, thường nhớ phương tiện thuận theo quán sát.

“Từ chỗ ngồi đứng dậy” cho đến “thuận theo quán sát”, chẳng phải ngay lúc ngồi thường tu chỉ này, mà trong tất cả oai nghi khác, trong bất cứ lúc nào cũng thường suy tư phương tiện, thuận theo nơi đạo lý pháp tánh bất động.

M1. Chỉ thành tựu được định:

Có ba câu:

Tu tập từ lâu thuần thực tâm kia được trụ, do tâm trụ nên dần dần nhạy bén thuận theo, được vào Tam-muội chân như, hàng phục sâu phiền não tín tâm thêm lớn, mau được chẳng lui sụt.

- Chỉ thành tựu

- Nói về sắc chỉ giúp tâm, tâm nhạy bén được tịnh. “Do tâm trụ, v.v...” trở xuống,

- Nói phá mê lầm được vào địa vị, tức tín viên mãn được nhập trụ, lược biện lợi ích của định. “Hàng phục sâu phiền não”, v.v... trở xuống,

Từ trên đến đây là nói có thể vào, sau đây nói chẳng thể vào.

L2. Vì chướng nên không được:

Chỉ trừ những người nghi ngờ chẳng tin, phỉ báng, tội nặng, nghiệp chướng, ngã mạn, biếng nhác. Những người như thế không thể vào được.

Có sáu chướng nên không vào được:

Nghi ngờ là đối với lý còn do dự.

Người chẳng tin là xiển-đề.

Người phỉ báng là ngoại đạo.

Tội nặng nghiệp chướng là người phạm năm tội nghịch, bốn tội trọng.

Ngã mạn là cậy mình tự cao.

Biếng nhác là buông lung, không siêng năng.

Trong sáu thứ này, người nào vướng một thứ cũng không được

vào.

K2. Nói về Công năng cao quý của Chi:

Có hai:

- Sinh ra Tam-muội và nhất hạnh.
- Sinh vô lượng Tam-muội. “Nên biết”, v.v... trở xuống.

Lại nữa, nương Tam-muội này thì biết được nhất tướng pháp giới. Nghĩa là tất cả Pháp thân chư Phật, cùng thân chúng sinh bình đẳng không hai, tức gọi là Tam-muội Nhất hạnh. Nên biết chân như là căn bản Tam-muội, nếu người tu hành thì dần dần sẽ sinh vô lượng Tam-muội.

Hay sinh ra Tam-muội nhất hạnh: Có ba:

- Lập:
- Giải thích, nêu bày tướng kia. “Nghĩa là tất cả”, v.v... trở xuống.
- Nêu bày tên kia. “Tức gọi”, v.v... trở xuống.

“Tam-muội nhất hạnh, như phẩm Văn-thù kinh Bát-nhã nói: “Thế nào gọi là Tam-muội Nhất hạnh? Phật dạy nhất tướng pháp giới duyên với pháp giới, gọi là Tam-muội Nhất hạnh”. Vào Tam-muội Nhất hạnh là biết tất cả Hằng xa pháp giới chư Phật không có tướng khác nhau, cho đến nói rộng, vì Tam-muội chân như này sinh ra vô lượng Tam-muội như thế, gọi là Tam-muội căn bản.

K3. Nói về việc ma:

Có hai:

- L1. Lược.
- L2. Rộng.

L1. Lược:

Có hai:

- M1. Chướng.
- M2. Đối trị.

M1. Chướng:

Hoặc có chúng sinh không có năng lực gốc lành, bị các ma ngoại đạo, quỷ thần làm hoặc loạn. Nếu trong lúc ngồi hiện hình làm cho sợ hãi, hoặc hiện các tướng nam nữ đẹp đẽ.

Ma là ma trời, Hán dịch là chướng ngại. Quỷ là quỷ đôi dịch, thần là thần tinh mị. Các quỷ thần như thế nhiều loạn Phật pháp, khiến vào đường tà, nên gọi là ngoại đạo. Ba loài như thế biến tạo ra ba thứ, năm trần phá hoại tâm lành của người.

“Ở nơi chỗ ngồi hiện hình làm cho sợ hãi” là thị hiện thân đáng sợ

làm cho sợ hãi để thất chí.

“Hoặc nam nữ đẹp đẽ” là hiện hình dáng đáng yêu làm mê hoặc để sinh nhiễm.

“Các tướng” là hiện năm trần chẳng trái chẳng thuận bình đẳng, động loạn tâm người.

M2. Đối trị:

“Nên nhớ” trở xuống là thứ lớp nói về Đối trị:

Nên nhớ cảnh giới duy tâm thì diệt, không hề bị não loạn.

Tất cả các cảnh còn chỉ ở nơi tâm, hướng chỉ trong lúc ngồi mà hiện các cảnh này ư! Nên quán sát duy tâm, cảnh ma diệt theo, không thể não loạn, vì duy tâm này chẳng phải chỗ biết của ma. Đây là pháp dẹp chung, môn dẹp riêng để đối trị các ma, nên tụng Bát-nhã Đại thừa và thâm tụng chú trị ma.

“Quỷ Đồi dịch” hoặc như trùng kiến bám vào đầu mặt người, châm chích, hoặc đánh đập hai bên hông người trở xuống, ôm giữ nơi người. Hoặc nói những âm thanh ồn náo và tạo các hình thú, tướng lạ chẳng phải một, đến khuấy rối hành giả, thì nên nhắm mắt nhất tâm thâm quở mắng, nói rằng: “Nay ta biết ngươi, ngươi la loại ăn mùi hôi thối trộm thịt cá trong cõi Diêm-phù-đề, tà kiến ưa phá các giới, nay ta trì giới không hề sợ ngươi”. Nếu người xuất gia nên tụng giới luật, nếu người tại gia nên tụng giới bổn Bồ-tát, hoặc tụng ba quy y, năm giới cấm, quở liền bỏ đi.

“Thần tinh mị” nghĩa là đi tuần mười hai thời, hay biến các thứ hình sắc, hoặc hiện tướng nam nữ trẻ, hoặc hiện hình người già và thân tướng đáng sợ. Chẳng phải một mà rất nhiều, đến khuấy rối hành giả, kia muốn não loạn người, đứng giờ sẽ đến. Nếu phần nhiều đến vào giờ dần thì đó là loài hổ dữ, nếu thường đến vào giờ Mão thì đó là thỏ nai, cho đến thường đến vào giờ Sửu thì đó là loài trâu. Hành giả thường dụng công phu giờ này thì biết tinh mị kia đi tuần, gọi tên chúng quở trách, thì chúng liền biến mất. Những thứ này đều như trong thiền kinh và Chỉ Quán của Thiền sư Trí Khải có nói rộng.

Từ trên đến đây lược nói đã xong.

L2. Nói rộng về việc ma:

Có hai:

M1. Hiện bày việc ma.

M2. Nói về đối trị: “Vì nghĩa này”, v.v... trở xuống,

M1. Hiện bày việc ma:

Có: Mười việc và Năm đối.

Hiện hình nói pháp:

“Hoặc khiến người”, v.v... trở xuống, được khởi biện chung. “Lại khiến người”, v.v... trở xuống, là khởi hoặc tạo nghiệp. “Cũng khiến cho người”, v.v... trở xuống, lãnh thọ định được thiên.

“Hoặc khiến người ăn không phần hạn”, v.v... trở xuống, thọ thực nhan sắc thay đổi.

Hoặc hiện hình trời, hình Bồ-tát, cũng tạo hình Như Lai, tướng tốt đầy đủ. Hoặc nói đà-la-ni, hoặc nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ. Hoặc nói bình đẳng không, vô tướng, vô nguyện, vô oán, vô thân, vô nhân, vô quả, rốt ráo vắng lặng là chân Niết-bàn. Hoặc khiến người biết việc tức mạng thời quá khứ, cũng biết việc vị lai được tha tâm trí, biện tài vô ngại, làm cho chúng sinh tham đắm việc danh lợi thế gian. Lại khiến người lúc sân, lúc hỷ tánh bất thường, hoặc nặng về từ ái, ngủ nhiều, bệnh nhiều, tâm biếng nhác. Hoặc mới khởi tinh tấn, sau liền dừng bỏ sinh tâm bất tín, thường nghi thường lo. Hoặc xả bỏ hạnh cao quý ở trước, lại tu tạp nghiệp. Nếu đắm trước việc thế gian, các thứ lôi kéo trôi buộc, cũng khiến người được các Tam-muội, chút phần tương tự, đều là chỗ được của ngoại đạo, chẳng phải Tam-muội chân thật, hoặc lại khiến người một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, trụ trong định, được ăn uống thức thơm ngon tự nhiên, thân tâm khoan khoái, không đói không khát, khiến người ưa đắm. Hoặc cũng làm cho ăn không phần hạn, chột nhiều chột ít, nhan sắc thay đổi.

Y theo văn sẽ thấy.

Hỏi: Như hiện hình Phật, Bồ-tát nói pháp sâu xa, hoặc là gốc lành đời trước phát khởi. Làm sao phân biệt được tà hay chánh?

Đáp: Việc này thật khó. Vì sao? Nếu là việc làm của ma cho là tướng lành mà tâm chấp trước thì rơi vào lưới tà, nếu là cảnh giới gốc lành phát khởi cho là việc ma, nên tâm nghi xa lìa thì lui sụt gốc lành, không bao giờ tiến thú được. Thế nên, tà chánh thật khó phân biệt. Nay lại y theo người xưa tương truyền lược dùng ba pháp để nghiệm.

1. Dùng định nghiệm ngầm.
2. Nương tu xưa mà đối trị.
3. Dùng trí tuệ quán sát.

Như kinh nói: “Muốn biết vàng ròng nên dùng ba pháp để thử. Nghĩa là đốt, đập, mài”. Người tu hành cũng như thế, khó có thể phân biệt biết được. Nếu muốn phân biệt cũng phải dùng ba pháp để nghiệm.

Nên cùng cộng sự, cộng sự chẳng biết thì nên ở chung, ở chung cũng chẳng biết thì nên dùng trí tuệ quán sát. Nay mượn ý này để nghiệm tà chánh, như cảnh tượng trong định khi phát khởi thì tà chánh khó biết, nên vào sâu tâm định, ở trong cảnh kia chẳng lấy chẳng bỏ, chỉ trụ định bình đẳng. Nếu là chỗ phát khởi của gốc lành thì sức định càng sâu, gốc lành càng phát khởi. Nếu do ma làm ra thì chẳng bao lâu sẽ tự hoại.

Nướng vào tu xưa để đối trị, như tu xưa là thiền quán bất tịnh, nay nướng theo xưa tu quán bất tịnh, nếu tu như thế mà cảnh giới càng sáng thì chẳng lường đối, nếu dùng tu xưa đối trị mà dần dần hoại diệt, thì nên biết là tà.

Dùng trí tuệ quán sát, quán chỗ tướng phát khởi suy nghiệm cội nguồn chẳng thấy chỗ sinh, biết sâu vắng lặng tâm không mê đắm, tà sẽ tự diệt, chánh sẽ tự hiện. Như đốt vàng ròng sắc kia càng sáng, nếu là vàng giả thì sẽ tan hoại. Trong đây thật giả nên biết cũng giống như thế. Định ví như mài, tu xưa đối trị cũng như đập, trí tuệ quán sát cũng như đốt. Dùng ba pháp này để nghiệm thì sẽ biết được tà, chánh.

Vì nghĩa này nên hành giả thường phải dùng trí tuệ quán sát, chớ để cho tâm này rơi vào lưới tà, phải siêng năng chánh niệm chẳng chấp, chẳng mê đắm, thì sẽ xa lìa các nghiệp chướng này.

M2. Đối trị:

“Trí tuệ quán sát”, là nướng giác tuệ tùy phần của mình, quán các việc ma xét mà đối trị. Nếu không quán sát thì rơi vào đường tà, nên nói chớ để rơi vào lưới tà. Đây là nghiệm phần thứ ba trí tuệ quán sát trong ba thứ.

“Phải siêng năng chánh niệm chẳng chấp chẳng mê đắm là nói chung hai pháp trước trong ba pháp. Dùng môn Chỉ của Đại thừa này tu lý mà định lại không có hướng khác. Phần đầu là nghiên ngẫm định đều nướng tu xưa, lại không có pháp khác, do đó hợp pháp để nói, vì nướng môn Chỉ xưa.

“Không chấp, không mê đắm”: là tà chẳng liên can với chánh, tự nhiên tan biến. Nếu chấp trước thì trái chánh mà vào tà, nếu không chấp trước thì do tà mà hiển chánh. Cho nên phân chia tà chánh quan trọng ở chỗ mê đắm hay không mê đắm. Không mê đắm thì không chướng không lìa, nên nói xa lìa các nghiệp chướng. Như luận Trí Độ chép: “Trừ thật tướng các pháp kia ra, các loại khác đều là việc ma. Kệ rằng:

Nếu phân biệt nhớ tướng

*Tức là lưới của ma
Chẳng động chẳng phân biệt
Đây tức là pháp ấn.*

Chính là nghĩa này vậy.

K4. Phân biệt ngụy khác chân:

Có hai:

L1. Nêu hai thứ định trong và ngoài để phân biệt tà chánh.

L2. Đối với hai định lý và sự để nói chân ngụy.

“Nếu các phàm phu”, v.v... trở xuống,

L1. Nêu hai thứ định trong và ngoài để phân biệt tà chánh:

Nói về Tà định:

Nên biết Tam-muội của ngoại đạo, đều chẳng lìa tâm ái kiến, ngã mạn, tham đắm danh lợi cung kính ở thế gian.

Nghĩa là sử ngã kiến, ngã ái, ngã mạn khiến thường tương ưng. Nói: “Tham, v.v...” là bên trong mê đắm tà định, bên ngoài tham danh lợi. Lại tất cả thiên định không thể giảm bớt phiền não, đều không thể y cứ.

Nói về Chánh định.

Chân như Tam-muội chẳng trụ tướng thấy, chẳng trụ tướng được, cho đến xuất định cũng không biếng nhác, tất cả phiền não dần dần cạn mỏng.

Nghĩa là khi ở định mà không mê đắm vị, do quên tâm nên không trụ chỗ thấy, do quên cảnh nên không trụ chỗ được. Xuất định cũng không kiêu mạn, nhờ vào định nên tham sân si dần mỏng, tức là tướng chánh định, nên nói “chân như” cho đến “dần mỏng”.

L2. Đối với hai định lý và sự để chân ngụy:

Nói về Lý định:

Nếu các phàm phu không tu tập pháp Tam-muội này, mà được vào chủng tánh của Như Lai thì không có việc đó.

Nghĩa là hành giả Bồ-tát tu Đại thừa, phải nương Tam-muội chân như này mới vào chủng tánh trong địa vị bất thoái. Trừ đây không còn con đường nào để vào, nên nói: “Nếu các phàm phu” cho đến “không có việc đó”.

Trong đây chủng tánh là đứng về địa vị không lui sụt của hàng Thập Trụ trở lên mà biện.

Nói về Sự định. “Do tu thế gian, v.v...” trở xuống.

Do tu các thiên Tam-muội thế gian, phần nhiều sinh đắm trước vị, nương vào ngã kiến, lệ thuộc hai cõi, cùng chung với ngoại đạo. Nếu lìa

chỗ hộ trì của thiện tri thức thì khởi kiến chấp ngoại đạo.

Nghĩa là các định bốn thiền, bốn không, v.v... của thế gian và bất tịnh an ban. Nếu định chấp cảnh tướng đều gọi là định thế gian. Càng định đả trước vị nên chẳng lìa ngã, nên nói: “cùng chung với ngoại đạo. Cùng là đồng được sự định này. Do kia cùng nên nếu được năng lực giúp đỡ của bạn lành hoặc có thể được vào Phật pháp. Nếu lìa bạn lành thì vào đường tà.

K2. Chỉ bày khuyến tu lợi ích:

Đời sau lợi ích vô lượng vô biên, hiện đời cũng được lợi ích. Lược trình bày mười thứ.

Có hai: - Giải thích riêng:

Nêu chung: Lại nữa, tinh tấn siêng năng tu học Tam-muội này, hiện đời sẽ được mười thứ lợi ích, mười thứ là:

Giải thích riêng:

1. Thường được chư Phật, Bồ-tát hộ niệm.

Bạn lành được lợi ích nhiếp hộ: Do tu Tam-muội Chân như này, mà được pháp chư Phật, Bồ-tát hộ niệm, được tinh tấn mạnh mẽ, không lui sụt.

Có bốn câu được lợi ích lìa chướng:

Hai câu đầu là lìa chướng duyên ác bên ngoài.

Chẳng bị các ma quỷ ác làm cho sợ hãi.

Không bị chín mươi lăm thứ ngoại đạo, quỷ thần làm hoặc loạn.

Nghĩa là ban đầu lìa ma trời hiện hình, sau lìa ngoại đạo tà hoặc.

Hai câu kế là lìa nghiệp chướng mê lầm bên trong.

Xa lìa phỉ báng pháp sâu xa, tội nặng nghiệp chướng dần dần cạn mỏng.

Dứt tất cả nghi và các ác giác quán.

Nghĩa là trước lìa nghiệp ác, sau diệt hoặc chướng.

Trong phần Nghiệp: “Lìa phỉ báng, v.v...” là không khởi nghiệp mới. “Tội nặng dần dần cạn mỏng” là nghiệp nặng được nhẹ. Kế là Năm hạnh thành tựu vững chắc:

Đối với cảnh giới của các Như Lai lòng tin được thêm lớn.

Xa lìa lo buồn hối hận, đối với sinh tử mạnh mẽ không yếu đuối.

Tâm kia nhu hòa, xả bỏ kiêu mạn, không làm người khác phiền não.

Tuy chưa được định, nhưng bất cứ lúc nào, đối với tất cả cảnh giới làm tổn giảm phiền não, không ưa thích thế gian.

Nếu được Tam-muội, không bị tất cả âm thanh duyên bên ngoài

làm kinh động.

Đối với lý lòng tin thêm vững chắc.

Đối với nhiễm không yếu hèn.

Không bị duyên làm boại.

Không thấm nhuần vị thế gian.

Được vào sâu thiền định.

Tu riêng môn Chỉ đã xong.

L 2. Quán:

Có ba:

K1. Nói rõ ý tu quán.

K2. Nói về tướng Quán.

K3. Tổng kết phần hạn Quán. “Chỉ trừ”, v.v... trở xuống.

K1. Nói về ý tu Quán:

Lại nữa, nếu người chỉ tu môn Chỉ thì tâm chìm lặng, hoặc khởi biếng nhác không ưa các điều lành, xa lìa đại bi, cho nên phải tu quán.

“Chẳng tu các điều lành” là mất phần tự lợi, “Xa lìa đại bi” là mất phần lợi tha.

K2. Nói về tướng quán:

Có bốn:

L1. Quán pháp tướng, tức đối trị lỗi mất phần tự lợi ở trước.

L2. Quán đại bi, tức đối trị lỗi mất phần lợi tha ở trước, “như thế phải niệm”, v.v... trở xuống,

L3. Quán nguyện lớn, tức thành tựu hạnh đại bi ở trước. “Suy nghĩ như thế”, v.v... trở xuống

L4. Quán tinh tấn, tức thành hạnh tự lợi ở trước. “Do khởi như thế”, v.v... trở xuống, là nói rõ

L1. Quán pháp tướng là nói bốn thứ chẳng phải thường quán:

Người tu tập quán là nên quán tất cả pháp hữu vi ở thế gian không được bền lâu, phút chốc biến hoại, tất cả tâm hành niệm niệm sinh diệt. Do khổ nên quán các pháp nhớ nghĩ quá khứ, chợt thấy như mộng. Nên quán các pháp nhớ nghĩ hiện tại giống như điện chớp. Nên quán các pháp nhớ nghĩ vị lai như mây bất chợt khởi.

Quán vô thường:

Quán khổ. “Tất cả tâm hành”, v.v... trở xuống.

Quán vô ngã. “Nên quán”, v.v... trở xuống. Trong đây quá khứ không có tự thể nên khó truy tìm, hiện tại sát-na không trụ, vị lai vốn không chứa nhóm, chỉ duyên hợp mà chợt có, không từ mười phương đến.

Nên quán tất cả có thân ở thế gian đều là các thứ như uế bất tịnh, không một vật gì đúng ưa thích.

Quán bất tịnh. “Nên quán thế gian”, v.v... trở xuống, là nói Trừ bốn thứ điên đảo thường, lạc, ngã, tịnh, phối hợp giải thích rất dễ hiểu.

L2. Quán đại bi:

Như thế nên niệm tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay đều do vô minh huân tập, khiến tâm sinh diệt, vì thọ tất cả khổ lớn nơi thân tâm, hiện tại có vô lượng ép ngặt, chỗ khổ ở đời vị lai cũng không phần hạn, khó bỏ khó lìa mà chẳng hay biết, chúng sinh như thế thật đáng thương xót.

Trước quán khổ lớn trong ba đời của chúng sinh.

Kế là “Khó bỏ”, v.v... trở xuống, không có tâm nhằm chán chống trái nên khiến cho khổ vô hạn.

Sau cùng “Chúng sinh như thế”, v.v... trở xuống, là phát sâu tâm đại bi.

L3. Quán đại nguyện là nhân bi lập nguyện:

Suy nghĩ như thế liền nên mạnh mẽ lập thệ nguyện rộng lớn, nguyện khiến tâm ta lìa phân biệt, nên trùm khắp mười phương tu hành tất cả các công đức lành, tận đời vị lai dùng vô lượng phương tiện nhỏ tất cả gốc khổ cho chúng sinh, khiến được vui Niết-bàn đệ nhất nghĩa.

- Thệ nguyện.

- Tâm lâu dài. “Trùm khắp”, v.v... trở xuống

- Tâm rộng lớn. “Dùng vô lượng”, v.v... trở xuống

- Tâm đệ nhất. “Khiến được”, v.v... trở xuống

L4. Quán tinh tấn có thể thấy:

Do khởi nguyện như thế nên bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu các việc tu hành tùy khả năng gánh vác không bỏ, tâm tu học không biếng nhác, chỉ trừ lúc ngồi chuyên niệm tu Chỉ.

K3. Tổng kết ở trên:

Ngoài ra, tất cả phải quán sát nên làm hay không nên làm.

Thuận lý thì nên làm, trái lý thì không nên làm.

Từ trên đến đây tu riêng Chỉ Quán đã xong.

I 3. Song vận (Chỉ quán đồng hành):

Từ trên đến đây mới tu chưa thuần thực nên tu riêng động tĩnh.

Nay định tuệ tu thành tựu nên có thể song vận.

Có ba:

K1. Nói chung.

K2. Nói riêng.

K3. Tổng kết.

K1. Nêu chung:

Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc thức đều nên tu Chỉ quán đồng hành.

K2. Nói riêng:

Có hai:

L1. Theo pháp nói về đồng hành.

L2. Đối trị chương nói về đồng hành.

L1. Theo pháp nói về đồng hành:

Có hai: - Ngay nơi Chỉ mà Quán, ngay nơi Quán mà Chỉ.

Nghĩa là tuy nhớ nghĩ các pháp tự tánh chẳng sinh, mà lại nhớ nghĩ nhân duyên hòa hợp nghiệp thiện ác, quả báo khổ vui không mất, không hoại. Tuy nhớ nghĩ nhân duyên quả báo thiện ác, mà ngay cả tánh niệm cũng không thật có.

Ban đầu nói “Tự tánh không sinh” là theo nghĩa chẳng thật có để nói về Chỉ.

“Nghiệp quả chẳng mất” là theo nghĩa chẳng phải không để nói về Quán.

Ở đây hai mà chẳng hai nên nói là tức, đây thuận chẳng động mé chân mà kiến lập các pháp. Bởi chẳng có tức là chẳng không, có thể không xả Chỉ mà tu Quán.

Kế là nói “Tuy nhớ nghĩ nhân duyên tức tánh không thật có” là nói ngay nơi Quán mà Chỉ. Đây thuận chẳng hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp, vì chẳng phải không tức chẳng phải có, có thể chẳng xả Quán mà tu Chỉ. Đây lúc nói có trước sau, nhưng tại tâm hành dung chứa không hai, tánh chẳng hai tức là thật tánh. Lý vị ở đây nên phải suy nghĩ.

L1. Đối trị chương nói về đồng hành:

Nếu tu Chỉ để đối trị chấp trước thế gian của phàm phu, hay xả kiến chấp yếu kém của Nhị thừa.

Tu Chỉ để đối trị hai lỗi, nghĩa là chính đối trị hai chấp tham ưa thế gian về nhân và pháp của phàm phu, gồm đối trị chấp của Nhị thừa về pháp năm ấm và thấy khổ sinh sợ, dùng môn Chỉ vô sinh nên trừ chấp này.

Nếu người tu quán để đối trị lỗi tâm hạn hẹp, chẳng khởi đại bi của người Nhị thừa, xa lìa phàm phu chẳng tu gốc lành.

Tu Quán cũng đối trị hai lỗi, nghĩa là chính đối trị tâm hạn hẹp của người Nhị thừa, khiến quán khắp chúng sinh mà khởi đại bi, gồm

đối trị tâm biếng nhác của phàm phu khiến quán vô thường, sách tấn tu hạnh lành.

Vì nghĩa này cho nên hai môn Chỉ Quán cùng giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu không hề xa lìa. Nếu Chỉ Quán không đầy đủ thì không thể vào con đường Bồ-đề.

K3. Tổng kết:

“Giúp nhau thành tựu, v.v...” như người phàm phu chẳng phải không ưa thế gian mà không siêng tu hạnh lành. Người Nhị thừa chẳng phải không sợ sinh tử mà không khởi tâm đại bi, cho nên hai hạnh không lìa nhau.

“Chỉ Quán chẳng đủ thì không thể vào hạnh Bồ-đề” là Chỉ Quán cần nhau như hai cánh cửa con chim, hoặc như hai bánh của chiếc xe, nếu không đầy đủ thì không có công năng chuyên chở, thiếu một cánh thì chim không thể bay lượn giữa hư không được. Nên nói không đủ thì không thể vào (con đường bồ đề).

A3. Nói về phương tiện ngăn ngừa sự lui sụt: Từ đây v.v... trở xuống.

Có hai:

B1. Nói người có thể lui sụt.

B2. Nói rõ phương pháp ngăn ngừa lui sụt: “Nên biết Như Lai”, v.v... trở xuống.

B1. Nói người có thể lui sụt:

Có hai:

- Nêu hạnh thấp kém.

- Nêu chỗ giải thích thành tựu. “Do trụ ở đây v.v... trở xuống,

Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này muốn cầu chánh tín mà tâm kia yếu hèn, do trụ ở thế giới Ta-bà này, tự sợ không thể thường gặp chư Phật đích thân kính thờ cúng dường, lo sợ là ý tín tâm không thể thành tựu.

Muốn lui sụt là tâm kia yếu hèn, bên ngoài thiếu duyên cao quý, tin hạnh khó thành nên muốn lui sụt.

B2. Nói về phương pháp ngăn ngừa sự lui sụt:

Có hai:

- Nêu chung Thánh ý:

- Riêng dẫn chứng kinh.

Trong phần nêu thánh ý có hai là: Nêu phương tiện khéo léo của Thánh, và “Nghĩa là do chuyển ý”, v.v... trở xuống, là giải thích tướng khéo léo.

Nên biết Như Lai có phương tiện cao siêu nhiếp giữ tín tâm. Nghĩa là do chuyên ý nhân duyên niệm Phật, tùy nguyện được sinh về cõi Phật ở phương khác, thường thấy Phật, lìa hẳn đường ác.

Dẫn chứng kinh:

Có hai là:

- Trước dẫn chứng kinh.

- Giải thích văn kinh: “Thường thấy Phật”, v.v... trở xuống.

Như kinh nói: “Nếu người chuyên niệm Phật A-Di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, tu các gốc lành hồi hướng nguyện cầu sinh về thế giới kia, liền được vãng sinh thường thấy Phật, nên không bao giờ lui sụt. Nếu quán Pháp thân chân như của Phật kia, thường siêng tu tập, rốt ráo được sinh trụ chánh định.

“Nếu quán Pháp thân được rốt ráo vãng sinh, v.v...” là nếu người vãng sinh, về địa vị có ba:

Như hoa sen lúc chưa nở, là tín hạnh chưa viên mãn, chưa được không lui sụt. Nhưng vì gặp duyên không lui sụt, nên nói là không lui sụt.

Địa vị tín viên mãn trở đi, như hoa sen nở được thấy Phật, vào địa vị Thập trụ, được thấy chút phần Pháp thân, trụ địa vị Chánh định.

Địa vị Tam hiền viên mãn nhập Sơ địa trở đi, chứng Pháp thân cùng khắp, sinh về cõi Phật vô biên. Như Phật thọ ký cho Bồ-tát Long Thọ trụ Sơ địa, sinh về cõi Tịnh độ.

Trong đây, chỗ rốt ráo là hai địa vị sau.

Chương V. KHUYẾN TU LỢI ÍCH:

Đã nói phần tu hành tín tâm, kế đến nói phần khuyến tu lợi ích. Như thế Đại thừa bí tạng của chư Phật, ta đã nói xong.

Có ba:

A1. Tổng kết: Như trước nói.

A2. Nêu lên kính tin và phỉ báng có tổn giảm, lợi ích.

“Nếu có chúng sinh” trở xuống,

A3. Tổng kết khuyến tu. “Nên biết quá khứ”, v.v... trở xuống.

A2. Kính tin và phỉ báng:

Có hai:

B1. Tín thọ phước cao siêu.

B2. Nói phỉ báng tội nặng, “Có chúng sinh”, v.v... trở xuống.

B1. Tín nhiệm phước cao quý:

Đứng về mặt ba tuệ nêu chung lợi ích kia.

Nếu có chúng sinh muốn ở cảnh giới sâu xa của Như Lai được sinh chánh tín, xa lìa phỉ báng, vào đạo Đại thừa, nên trì luận này, nhớ nghĩ tu tập, rốt ráo đến được đạo vô thượng.

“Nếu người nghe”, v.v... trở xuống, là hiển bày riêng tướng ba tuệ được lợi ích.

Khi nghe được lợi ích:

Nếu người nghe pháp này rồi không sinh tâm yếu đuối, nên biết người này chắc chắn nối tiếp hạt giống Phật, được chư Phật thọ ký.

“Nếu có người”, v.v... trở xuống, là nói tư duy được lợi ích.

Nếu có người giáo hóa chúng sinh khắp trong Tam Thiên đại thiên thế giới khiến thực hành mười điều lành, chẳng bằng có người trong một bữa ăn tư duy đứng về pháp này, đây vượt hơn công đức ở trước, không thể ví dụ được.

“Lại nữa, nếu người”, v.v... trở xuống, là nói khi tu hành được lợi ích ở trong ba câu:

+ Thời gian ít mà công đức nhiều

+ So sánh tướng nhiều, “dù khiến, v.v...” trở xuống.

+ Giải thích lý do của tướng nhiều. “Vì sao”, v.v... trở xuống.

Lại nữa, nếu người thọ trì luận này quán sát tu hành, trong khoảng một ngày một đêm, có công đức vô lượng vô biên không thể nói được. Dù cho tất cả chư Phật trong mười phương, mỗi vị ở một phương khen ngợi công đức kia trong vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp cũng không thể cùng tận. Vì sao? Vì công đức pháp tánh không cùng tận, nên công đức của người này cũng giống như thế, không có bờ mé.

B2. Phỉ báng thành tội nặng. Có bốn:

Nếu chúng sinh đối với luận này phỉ báng chẳng tin, bị tội báo trải qua vô lượng kiếp chịu khổ não dữ dội.

Câu 1: Phỉ báng thành tội nặng.

Cho nên chúng sinh chỉ nên kính tín, không nên phỉ báng.

Câu 2: Khuyến nhắc đừng phỉ báng. “Cho nên”, v.v... trở xuống.

Bởi tự hại rất sâu, cũng hại người khác, người này mất tất cả hạt giống Tam bảo.

Câu 3: Ý giải thích về tội nặng. “Bởi tự hại rất sâu”, v.v... trở xuống.

Vì tất cả Như Lai đều nương pháp này mà được Niết-bàn, tất cả Bồ-tát do đây tu hành mà nhập trí Phật.

Câu 4: Chuyển giải thích nghĩa đoạn Tam bảo. “Vì tất cả Như Lai”, v.v... trở xuống.

Trong hai câu sau, câu đầu là quả của người được Niết-bàn, câu sau là nhân của người được Bồ-đề. Bồ-đề, Niết-bàn tức là Pháp bảo. Phật và tăng thì phải biết. Vì phỉ báng trái với đây nên gọi là đoạn Tam bảo.

Nên biết Bồ-tát thời quá khứ đã nương pháp này mà được thành tịnh tín, Bồ-tát ở hiện tại đang nương pháp này được thành tịnh tín, Bồ-tát thời vị lai sẽ nương pháp này mà được thành tịnh tín. Cho nên chúng sinh phải siêng tu học.

A3. Tổng kết:

Khuyến là khuyến khích tu hành, Bồ-tát trong ba đời đồng thực hành pháp này, không còn có con đường nào khác. Cho nên phải siêng tu học.

Xong phần chánh tông.

PHẦN LƯU THÔNG

*Chư Phật sâu xa nghĩa rộng lớn, Nay ta thuận
theo nói tổng trì,*

*Hồi hướng công đức như pháp tánh, Lợi ích khắp cả
cõi chúng sinh.*

Bài kệ trong phần lưu thông, hai câu đầu là tổng kết những điều nói trên. Trong hai câu đầu này, câu trên là tổng kết nghĩa, câu dưới là tổng kết văn. Hai câu sau là lợi ích hồi hướng, trong hai câu sau này, câu đầu nói về đức rộng lớn, câu sau là nhuần thấm khắp cả.

QUYỂN HẠ (Phần Cuối) (HẾT)

